BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Hoài Thương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG – 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG VĨNH BẢO

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Hoài Thương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG – 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Hoài Thương Mã SV: 1212401027

Lớp: QT1603K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Môi Trường Vĩnh Bảo

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.
- Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán

- Sử dụng số liệu năm 2014.

3. Địa chỉ thực tập tốt nghiệp

- Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.
- Địa chỉ: Số 20 khu phố 1/5 TT Vĩnh Bảo, Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đai học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ qua công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN	Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên	*Người hướng dẫn*
Vũ Thị Hoài Thương	THs. Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày ..... tháng ..... năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NSƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá tình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mạt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cầu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2 , sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã đi sau phân tích thực trạng công tác kế toán doan thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2014). Số liệu minh họa giữa chứng từ và sổ sách có tính logic và chính xác cao.

Chương 3 , sau khi đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hòa thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:.....

Bằng chữ:.....

Hải Phòng , ngày tháng năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

Ths.Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....1

CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....2

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....2
1.1.2. Nhiệp vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh..3
1.1.3. Các khái niệm cơ bản.....4
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....9
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.....9
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....12
1.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....17
1.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....19
1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....23
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....25
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....29

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VĨNH BẢO.....34

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....34
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....34
2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....35

2.1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....37
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....41
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....41
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....50
2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....62
2.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....69
2.2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tai Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....74
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo……74
CHƯƠNG 3. HOÀN THÀNH CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VĨNH BẢO.....81
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....81
3.1.1 Ưu điểm.....81
3.1.2 Hạn chế.....83
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....84
3.2.1 Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty 84
3.2.2 Sự cần thiết phải hòa thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....84
3.2.3 Nguyên tắc hoàn thiện.....85
3.2.4 Một số giải pháp làm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....86
KẾT LUẬN.....99

TÀI LIỆU THAM KHẢO.....100

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....12

Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.....16

Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....17

Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....19

Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính..22

Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác.....24

Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.....28

Sơ đồ 1.8. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung.....29

Sơ đồ 1.9. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức chứng từ ghi sổ.....30

Sơ đồ 1.10. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký-sổ cái.....31

Sơ đồ 1.11. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy.....32

Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....36

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán công ty.....37

Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán.....40

Sơ đồ 2.4. Quy trình hạch toán doanh thu cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....42

Sơ đồ 2.5. Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....51

Sơ đồ 2.6. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....63

Sơ đồ 2.7. Quy trình hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....73

Sơ đồ 2.8. Quy trình hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....74

Sơ đồ 2.9. Sơ đồ các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí quý 4 tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.....75

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1. Trích Hóa đơn GTGT số 0000402.....44

Biểu 2.2. Trích Phiếu thu số 00004.....45

Biểu 2.3. Trích Hóa đơn GTGT số 0000404.....46

Biểu 2.4. Trích Sổ phụ ngân hàng.....47

Biểu 2.5. Trích sổ Nhật ký chung.....48

Biểu 2.6. Trích Sổ cái TK 511.....49

Biểu 2.7. Trích Hóa đơn bán lẻ.....53

Biểu 2.8. Trích Hóa đơn bán hàng số 005676.....54

Biểu 2.9. Trích Phiếu chi số 00003.....55

Biểu 2.10. Trích Hóa đơn GTGT số 0016749.....56

Biểu 2.11. Trích Phiếu chi số 00007.....57

Biểu 2.12. Trích Phiếu kế toán số 82.....58

Biểu 2.13. Trích sổ Nhật ký chung.....59

Biểu 2.14. Trích Sổ cái TK 154.....60

Biểu 2.15. Trích Sổ cái TK 632.....61

Biểu 2.16. Trích Hóa đơn GTGT số 0164555.....65

Biểu 2.17. Trích Phiếu thu số 0000075.....66

Biểu 2.18. Trích sổ Nhật ký chung.....67

Biểu 2.19. Trích Sổ cái TK 642.....68

Biểu 2.20. Trích Sổ phụ ngân hàng.....71

Biểu 2.21 Trích sổ Nhật ký chung.....72

Biểu 2.22. Trích Sổ cái TK 515.....73

Biểu 2.23. Trích Phiếu kế toán số 83.....76

Biểu 2.24. Trích Phiếu kế toán số 84.....77

Biểu 2.25. Trích Phiếu kế toán số 85.....77

Biểu 2.26. Trích sổ Nhật ký chung.....78

Biểu 2.27. Trích Sổ cái TK 911.....79

Biểu 2.28. Trích Báo cáo kết quả kinh doanh 2014.....80

Biểu 3.1. Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh.....87

Biểu 3.2. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.....89

Biểu 3.3. Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2014.....93

Biểu 3.4. Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi.....94

LỜI MỞ ĐẦU

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, cạnh tranh gay gắt như hiện nay thì đối với doanh nghiệp muốn tạo uy tín thương hiệu trên thị trường là vô cùng khó khăn. Bởi vậy vấn đề quan tâm hàng đầu của nhà quản lý là tính hiệu quả của các hoạt động kinh tế, chi phí bỏ ra, doanh số thu được và kết quả kinh doanh trong kỳ. Với chức năng cung cấp thông tin, kiểm tra các hoạt động kinh tế, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đáp ứng nhu cầu đó và giúp cho nhà quản lý đưa được ra các quyết định kinh doanh sáng suốt, kịp thời.

Nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, em đã mạn dạn chọn đề tài : ***" Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định***

kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo " cho bài khóa luận của mình.

Ngoài lời nói đầu và kết luận, bài khóa luận của em gồm có 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.

Chương 3: Một số giải pháp làm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.

Vì thời gian và kiến thức có hạn nên bài viết của em chắc chắn sẽ khong tránh khỏi thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên

Vũ Thị Hoài Thương

CHƯƠNG 1
LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu có được từ bán

hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm khoản thu từ các hoạt động khác mang lại.

Việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về mặt tài chính.

Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp.

Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để đáp ứng nhu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Tính toán và ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời khối lượng tiêu thụ.
- Quản lý về số lượng, giá trị hàng xuất bán bao gồm việc quản lý từng người mua, từng nhóm hàng.
- Vận dụng nguyên tắc giá phí và các phương pháp tính giá phù hợp để xác định chính xác giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và các chi phí khác nhằm xác định đúng đắn kết quả bán hàng.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu nhận, xử lý, hệ thống hóa và cung cấp thông tin về tình hình bán hàng, tình hình quản lý chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, tình hình quản lý chi phí và xác định kết quả kinh doanh thông qua việc lập các chứng từ kế toán để chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, mở sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết để phản ánh tình hình khối lượng hàng hóa tiêu thụ, ghi nhận doanh thu bán hàng và các chỉ tiêu liên quan khác của khối lượng hàng bán (giá bán, doanh thu thuần...)
- Kế toán quản lý chặt chẽ tình hình biến động và dự trữ kho hàng hóa, phát hiện, xử lý kịp thời hàng hóa ứ đọng.
- Tham mưu các biện pháp thúc đẩy bán hàng, mở rộng thị phần, tăng vòng quay tổng vốn.
- Theo dõi và thanh toán kịp thời công nợ với khách hàng và nhà cung cấp.
- Ghi chép theo dõi, phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Cung cấp các thông tin, số liệu về tình hình bán hàng cho lãnh đạo để phục vụ cho việc ra các quyết định, điều hành hoạt động kinh doanh, cung cấp số liệu, tài liệu cho các cơ quan quản lý phục vụ cho yêu cầu quản lý chung ngành thương mại và của nền kinh tế.

1.1.3. Các khái niệm cơ bản

1.1.3.1. Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của chủ sở hữu. *(Theo Chuẩn mực kế toán số 14- "Doanh thu và thu nhập khác", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính)*

Các loại doanh thu

❖ ***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với chuyển sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữa hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

- *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp*: Theo phương thức này, người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.
- *Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý*: thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận báo cáo bán hàng do đại lý gửi.
- *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua nhận nợ.
- *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp*: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ dược xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung

cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ ***Các khoản giảm trừ doanh thu***

- *Chiết khấu thương mại*: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- *Giảm giá hàng bán*: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu
- *Hàng bán bị trả lại*: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
- *Thuế giá trị gia tăng phải nộp (theo phương pháp trực tiếp):* Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.
- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: rượu, thuốc lá, vàng mã, bài lá....
- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế thu vào các mặt hàng được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hoặc biên giới giữa các quốc gia.

❖ ***Doanh thu thuần***: là số chênh lệch giữu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ ***Doanh thu hoạt động tài chính***: doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

❖ ***Thu nhập khác***

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. *(Theo chuẩn mực kế toán số 14)*

Thu nhập khác bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán thanh lý tài sản cố định.
- Chênh lệch lãi do đánh giá vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Thu nhập quà biếu tặng.
- Các khoản thu khác...

3.1.3.2 <u>Chi phí</u>

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu. (Theo chuẩn mực kế toán số 01- "Chuẩn mực chung", ban hành theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng BTC)

Chi phí bao gồm:

- *Giá vốn hàng bán*: là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ, xuất bán trong kỳ.
- *Chi phí quản lý kinh doanh*: là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,… Và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp,…
- *Chi phí tài chính*: là những khoản chi phí hoạt động tài chính, bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...
- *Chi phí khác*: là những khoản chi phí (lỗ) phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.
- *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận lãi (hoặc lỗ) của một năm tài chính.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhạp chịu thuế trong năm và thuế xuất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

3.1.3.3 <u>Xác định kết quả kinh doanh</u>

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

❖ *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh*: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu - Giá vốn hàng bán - Chi phí quản lý kinh doanh

❖ *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính

Lợi nhuận tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính

❖ *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

❖ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số của Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD, Lợi nhuận tài chính và Lợi nhuận khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh + Lợi nhuận từ hoạt động tài chính + Lợi nhuận khác

❖ *Lợi nhuận sau thuế TNDN*: là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp = Lợi nhuận trước thuế x Thuế suất

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

3.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

+ Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường
+ Phiếu thu, Phiếu chi
+ Giấy báo Nợ, giấy báo Có
+ Hợp đồng kinh tế
+ Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 511** - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

+ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất, nhập khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

+ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.
+ Tài khoản 511 có 4 tài khoản cấp hai:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112: Doanh thu bán các sản phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5118: Doanh thu khác

❖ **Tài khoản 521**- Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tiểu khoản:

+ Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại
+ Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại
+ Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Kết cấu

Bên Nợ

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

+ *Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.*

❖ **Tài khoản 333**- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tài khoản này dùng để phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp, đã nộp vào ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

+ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ.
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào ngân sách Nhà nước
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp.
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

Bên có:

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp.
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Tài khoản 333 có số dư bên Có hoặc bên Nợ (nếu có).

+ Tài khoản 333 có 9 tài khoản cấp 2, trong đó, để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dung tài khoản 3331, 3332, 3333.

Tài khoản 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Tài khoản 3332 – thuế tiêu thụ đặc biệt

Tai khoản 3333 – thuế xuất, nhập khẩu

1.2.1.3 <u>Phương pháp hạch toán</u>

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1. như sau:

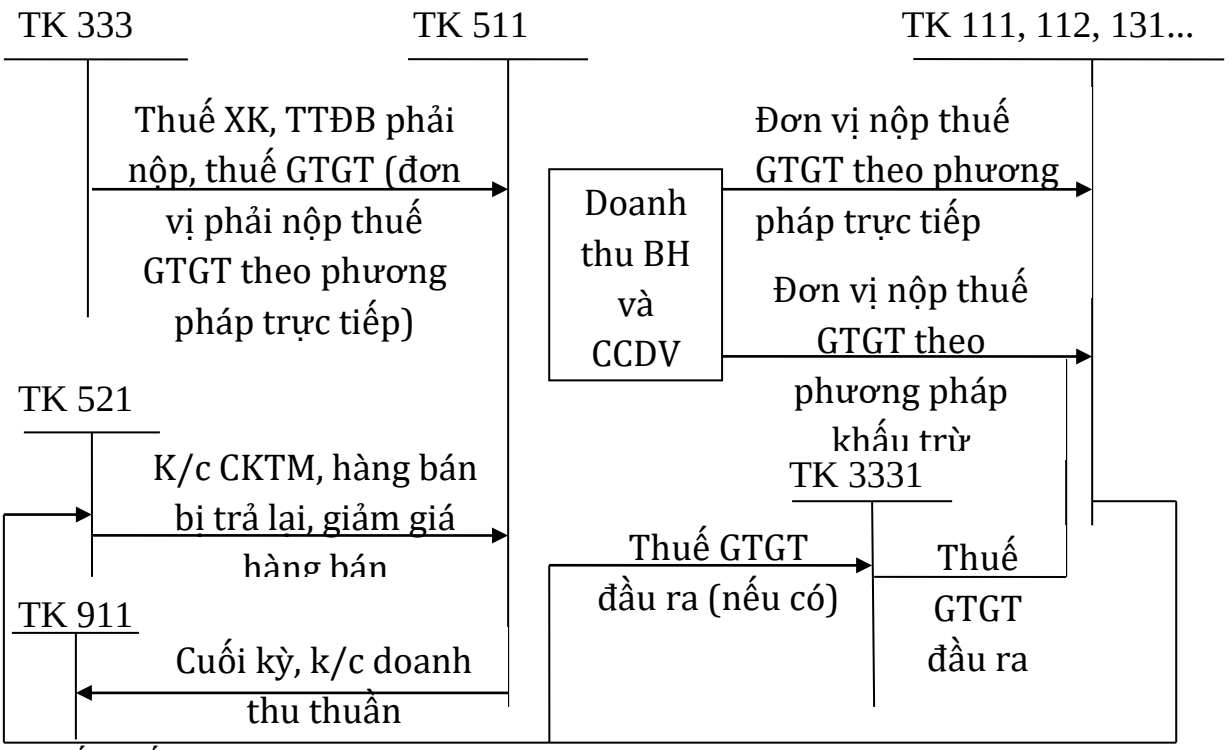

Chiết khấu thương mại, hàng hóa bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 632 – Giá vốn bán hàng

Tài khoản này để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư (BĐSĐT), giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

+ *Kết cấu TK632 trong trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên*

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí NVl, chi phí nhân công vượt trên mức trung bình và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TDCĐ hữu hình tự xây dựng tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ giá bán trong kỳ sang tài khoản " Xác định kết quả kinh doanh ".
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho

+ *Kết cấu TK632 trong trường hợp kế toán hàng hóa kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ*

Bên Nợ:

+ Trị giá vốn của thành phần tồn kho đầu kỳ;

+ Trị giá vốn của hàng hóa xuất bán trong kỳ;

+ Trị giá vốn của thành phần sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Bên Có:

+ Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính

+ Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên nợ tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh"

+ Kết chuyển giá vốn của thành phần tồn kho cuối kỳ;

+ Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên nợ TK911 " Xác định kết quả kinh doanh"

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ Ngoài ra, nếu doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ thì còn sử dụng **Tài khoản 631** - giá thành sản xuất.

Tài khoản này phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn,…trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

+ Kết cấu:

Bên nợ:

- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK632.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang cuối ký kết chuyển vào TK154 " Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang".

+ Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3. <u>Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán.</u>

Theo chuẩn mực kế toán số 02 – " Hàng tồn kho" (Ban hành theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của bộ trưởng BTC), thì việc giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

- *Phương pháp bình quân gia quyền:* giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.
- *Phương pháp tính theo giá đích danh:* được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.
- *Phương pháp nhập trước xuất trước:* áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối ký là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.
- *Phương pháp nhập sau xuất trước:* áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ tồn kho.

1.2.2.4. <u>Phương pháp hạch toán.</u>

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai sơ đồ 1.2 và 1.3. như sau:

TK 154 TK 632 TK 155, 156

Thành phẩm sản xuất ra tiêu thụ ngay không qua nhập kho

Thành phẩm hàng hóa đã bán bị trả lại

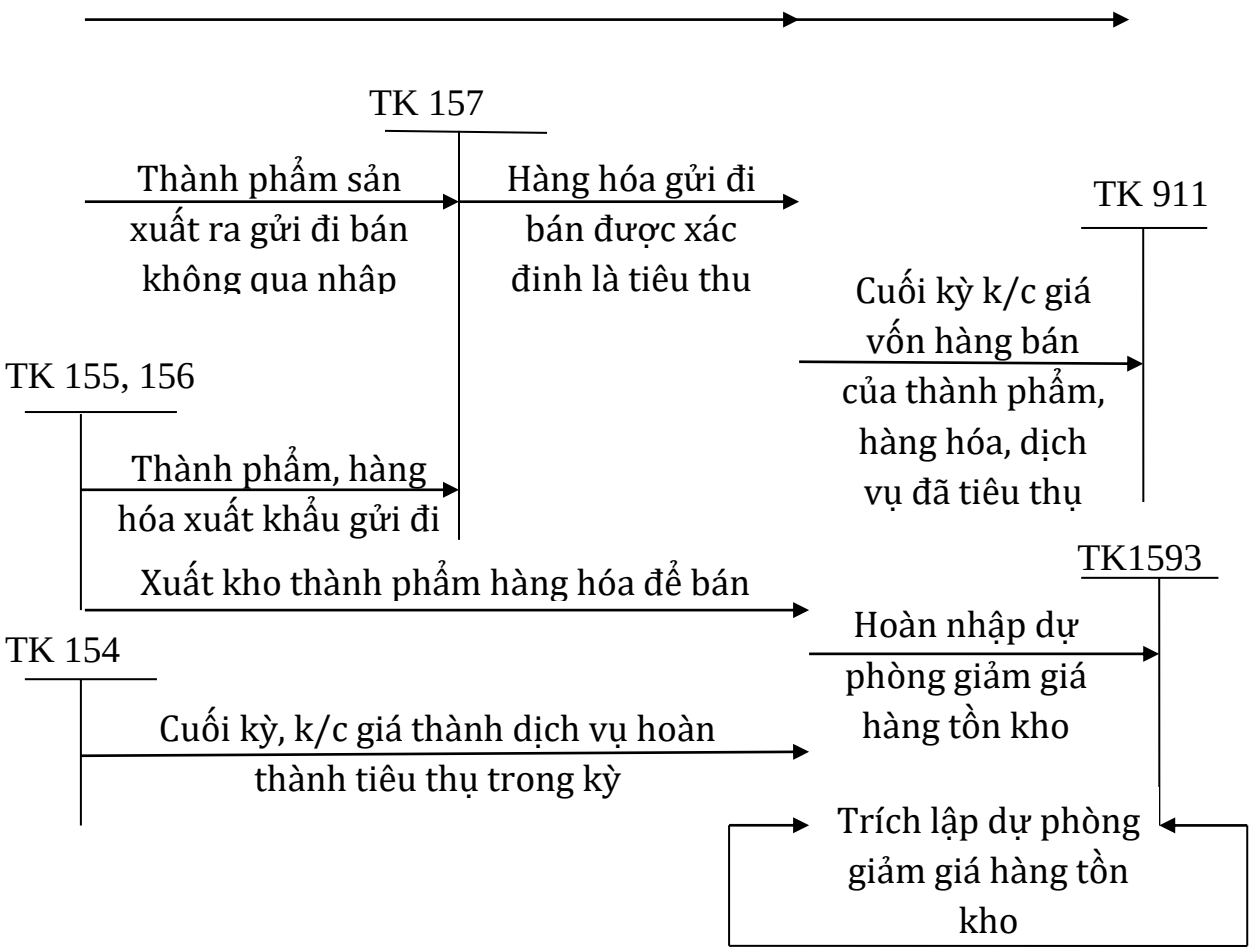

Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

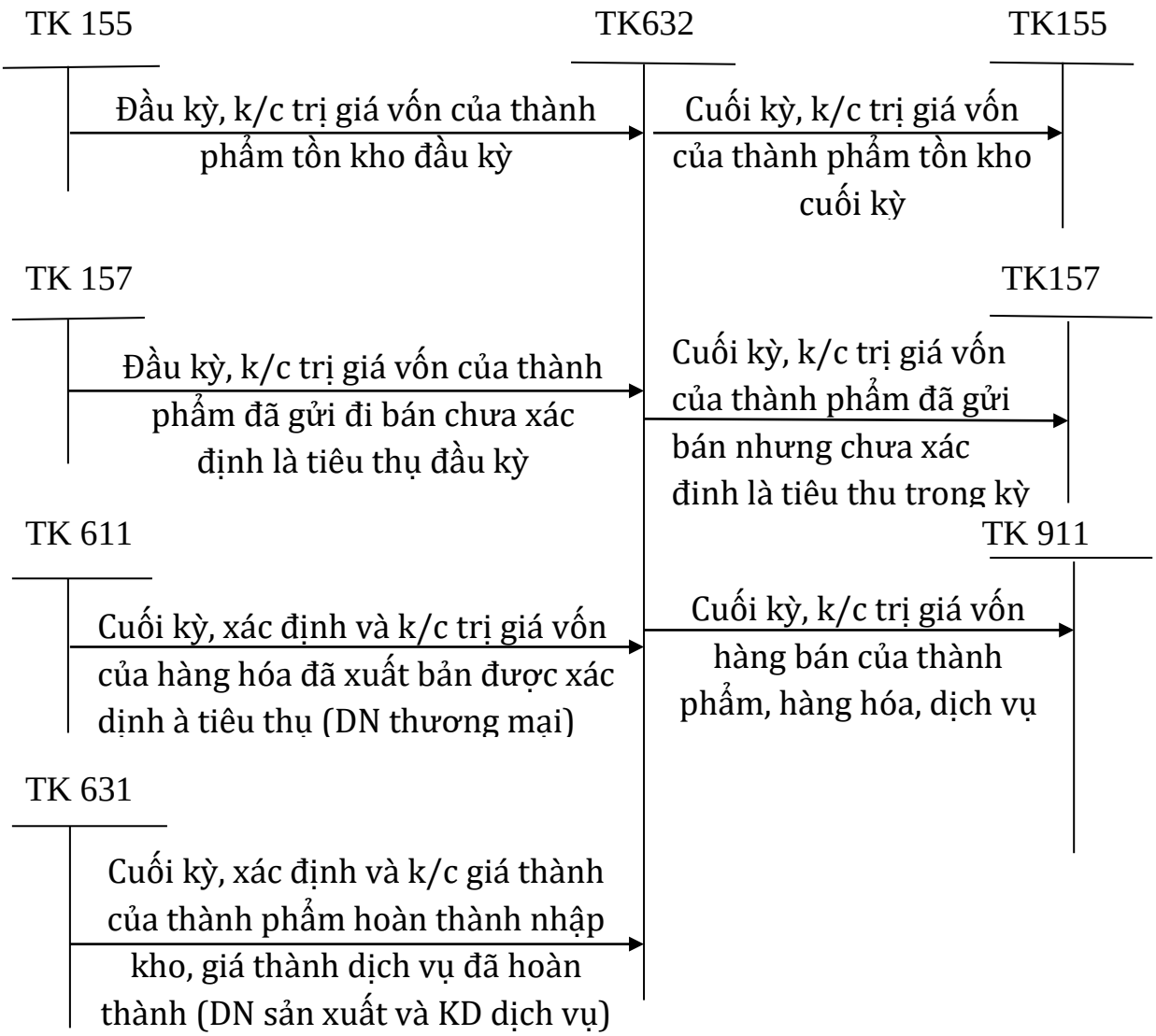

Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

+ Bảng phân bố tiền lương và bảo hiểm xã hôi
+ Phiếu xuất kho
+ Bảng tính và phân bổ khấu hao
+ Phiếu chi, giấy báo nợ
+ Hóa đơn GTGT...

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 642 –** Chi phí quản lý kinh doanh.

+ *Kết cấu*

Bên Nợ

- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên Có

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

+ *Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.*

+ *TK 642 có 2 TK cấp 2:* TK 6421-Chi phí bán hàng và TK 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.4. như sau:

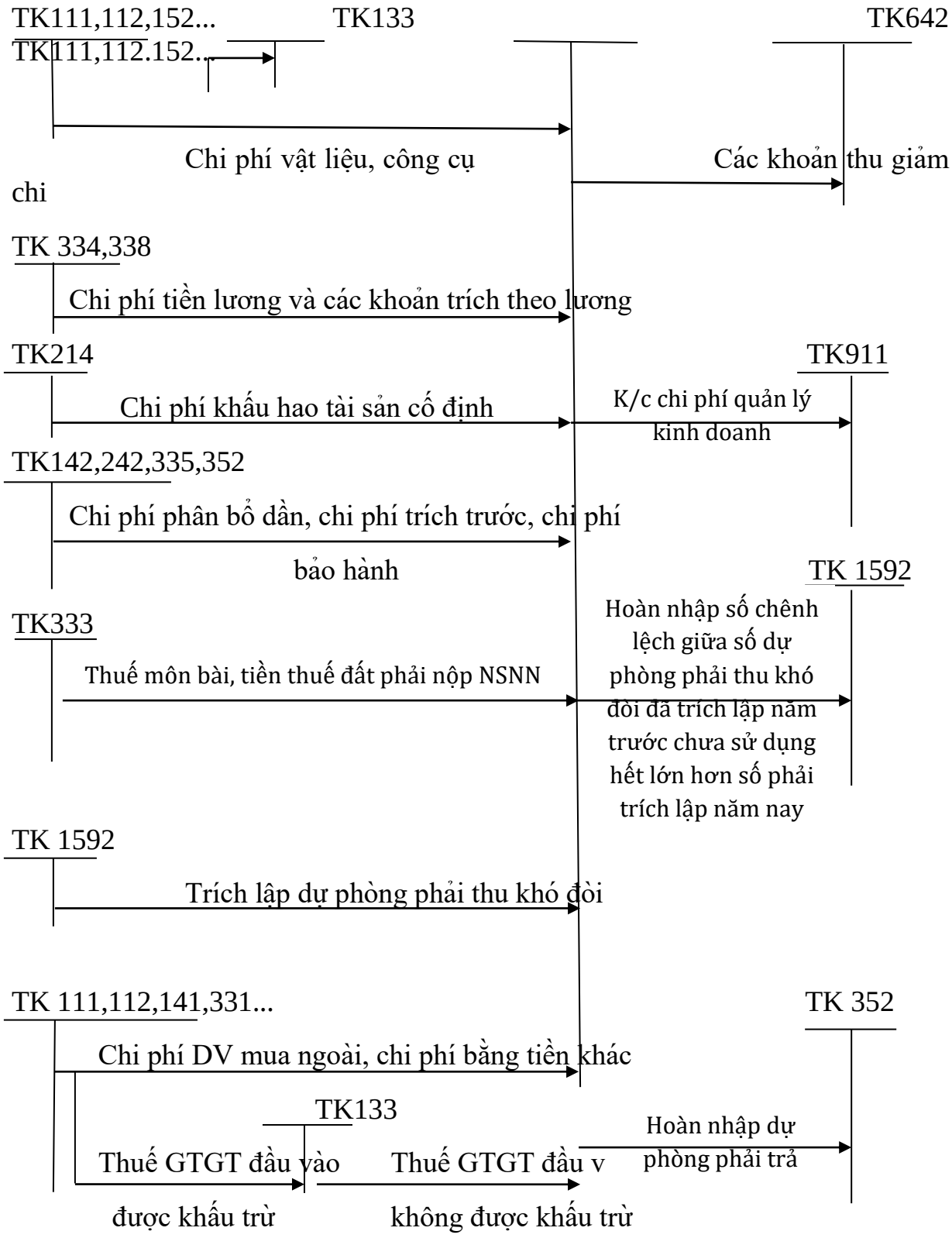

Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.

+ Hóa đơn GTGT.

+ Phiếu thu, phiếu chi.

+ Giấy bảo nợ, giấy báo có.

+ Các chứng từ có liên quan.

1.2.4.2. <u>Tài khoản sử dụng.</u>

❖ **Tài khoản 515** – doanh thu hoạt động tài chính.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

+ Kết cấu:

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản " Xác định kết quả kinh doanh".

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XĐCB đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

+ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 635** – chi phí tài chính.

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các loạt đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗi chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán hàng chứng khoản, dự

phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, bản lỗi phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

+ Kết cấu:

Bên nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá khối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. <u>Phương pháp hạch toán</u>

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.5. như sau:

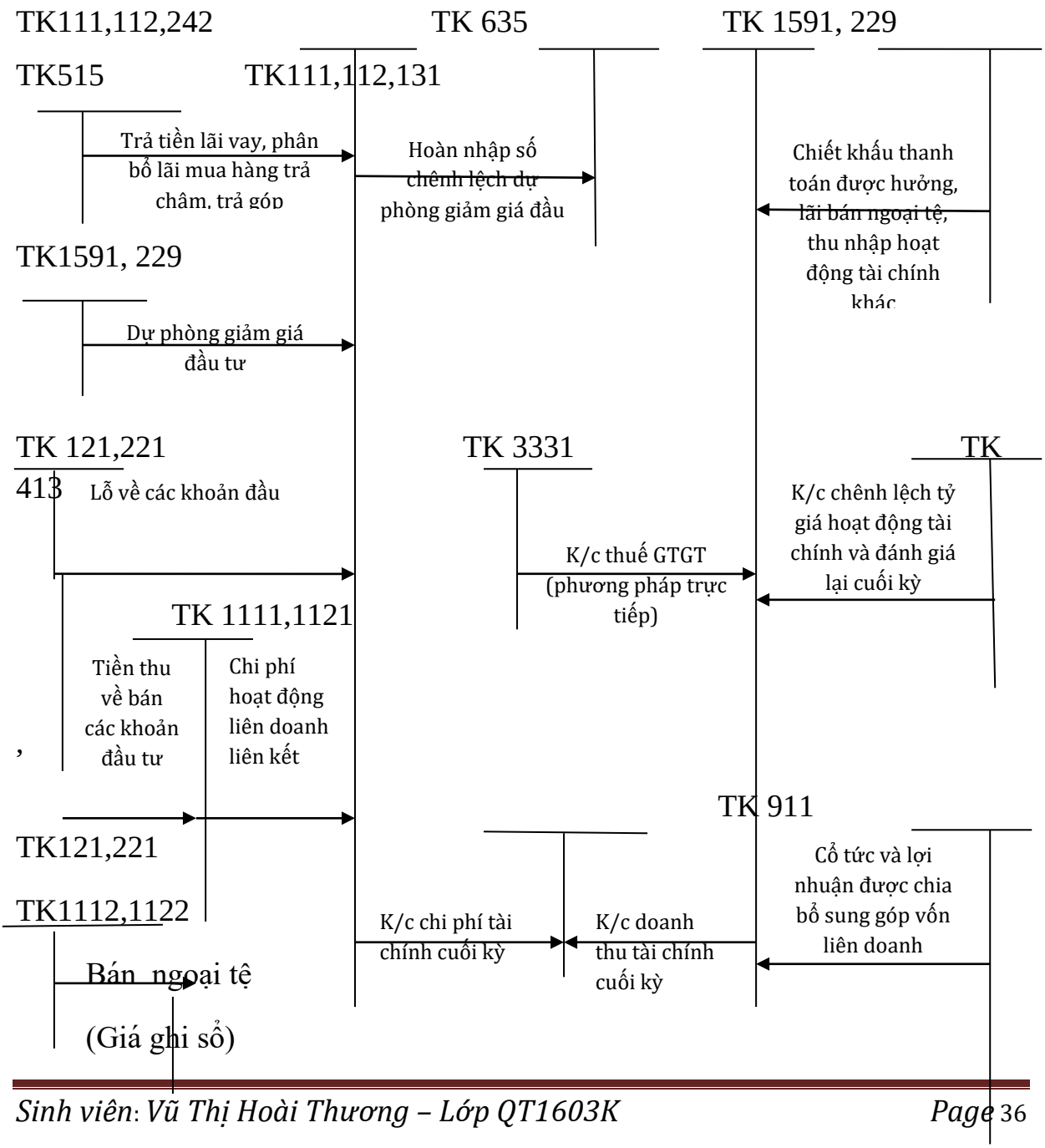
TK111,112,242
TK 635
TK 1591, 229
TK515
TK111,112,131
Trả tiền lãi vay, phân bổ lãi mua hàng trả chậm, trả góp
Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng giảm giá đầu
Chiết khấu thanh toán được hưởng, lãi bán ngoại tệ, thu nhập hoạt động tài chính khác
TK1591, 229
Dự phòng giảm giá đầu tư
TK 121,221
TK 3331
TK
413
Lỗ về các khoản đầu
K/c thuế GTGT (phương pháp trực tiếp)
K/c chênh lệch tỷ giá hoạt động tài chính và đánh giá lại cuối kỳ
TK 1111,1121
Tiền thu về bán các khoản đầu tư
Chi phí hoạt động liên doanh liên kết
,
TK 911
TK121,221
TK1112,1122
Cổ tức và lợi nhuận được chia bổ sung góp vốn liên doanh
K/c chi phí tài chính cuối kỳ
K/c doanh thu tài chính cuối kỳ
Bán ngoại tệ
(Giá ghi sổ)

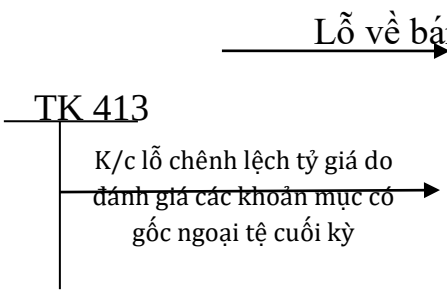

Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

+ Biên bản đánh giá lại tài sản
+ Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
+ Biên bản góp vốn liên doanh
+ Phiếu thu, phiếu chi
+ Hóa đơn GTGT, Hóa đơn thông thường...

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 711** – Thu nhập khác

Tài khoản này phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Kết cấu:

Bên Nợ :

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Kết chuyển thu nhập khác sang tài khoản " Xác định kết quả kinh doanh".

Bên có:

- Các tài khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 811** – Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

+ Kết cấu:

Bên Nợ : Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có : Kết chuyển chi phí khác vào tài khoản "Xác định kết quả kinh doanh".

+ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6 như sau:

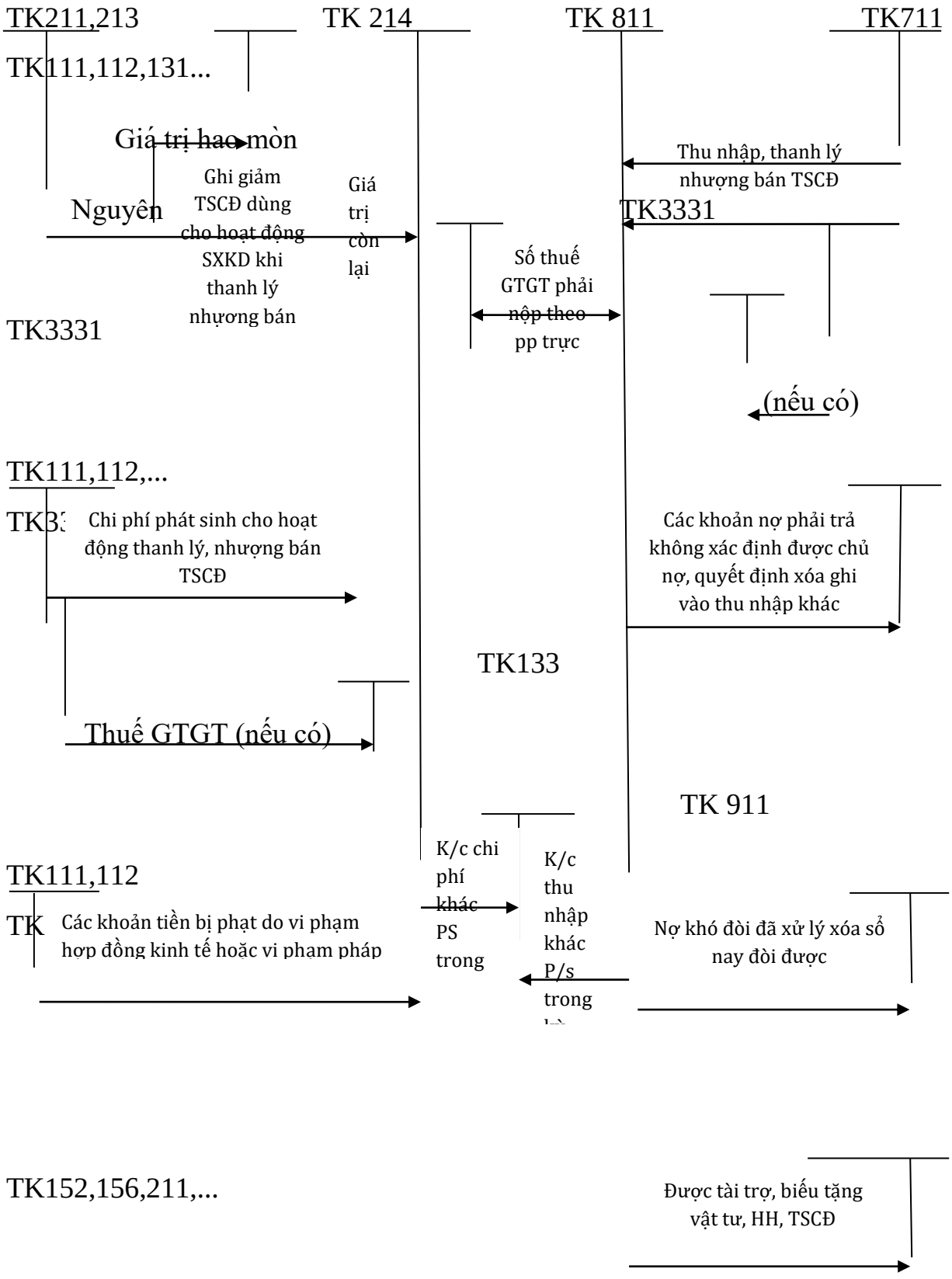

Sơ đồ 1.6 Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán kết chuyển

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 911 –** xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm

+ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác vào khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

+ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 821 –** chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản này để phản ảnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

+ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm hiện tại.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả.
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
- Kết chuyển chênh lệch giữa sổ phát sinh bên có tài khoản " Chi phí thuế TNDN hoãn lại " phát sinh trong kỳ vào bên có tài khoản " Xác định kết quả kinh doanh ".

Bên Có:

- Sổ thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm phải nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm.
- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.
- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.
- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- Kết chuyển sổ chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào tài khoản " Xác định kết quả kinh doanh ".
- Kết chuyển sổ chênh lệch giữa sổ phát sinh bên nợ tài khoản chi phí thuế TNDN hiện hành lớn hơn số phát sinh bên có tài khoản chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong kỳ và bên nợ tài khoản " Xác định kết quả kinh doanh ".

+ Tài khản 821 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 421 –** lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân chia lội nhuận hoặc sử lý lỗ của doanh nghiệp.

+ Kết cấu:

Bện Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư hoặc số dư có.

Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 4211 – lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- Tài khoản 4212 – lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

1.2.6.3. <u>Phương pháp hạch toán.</u>

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau:

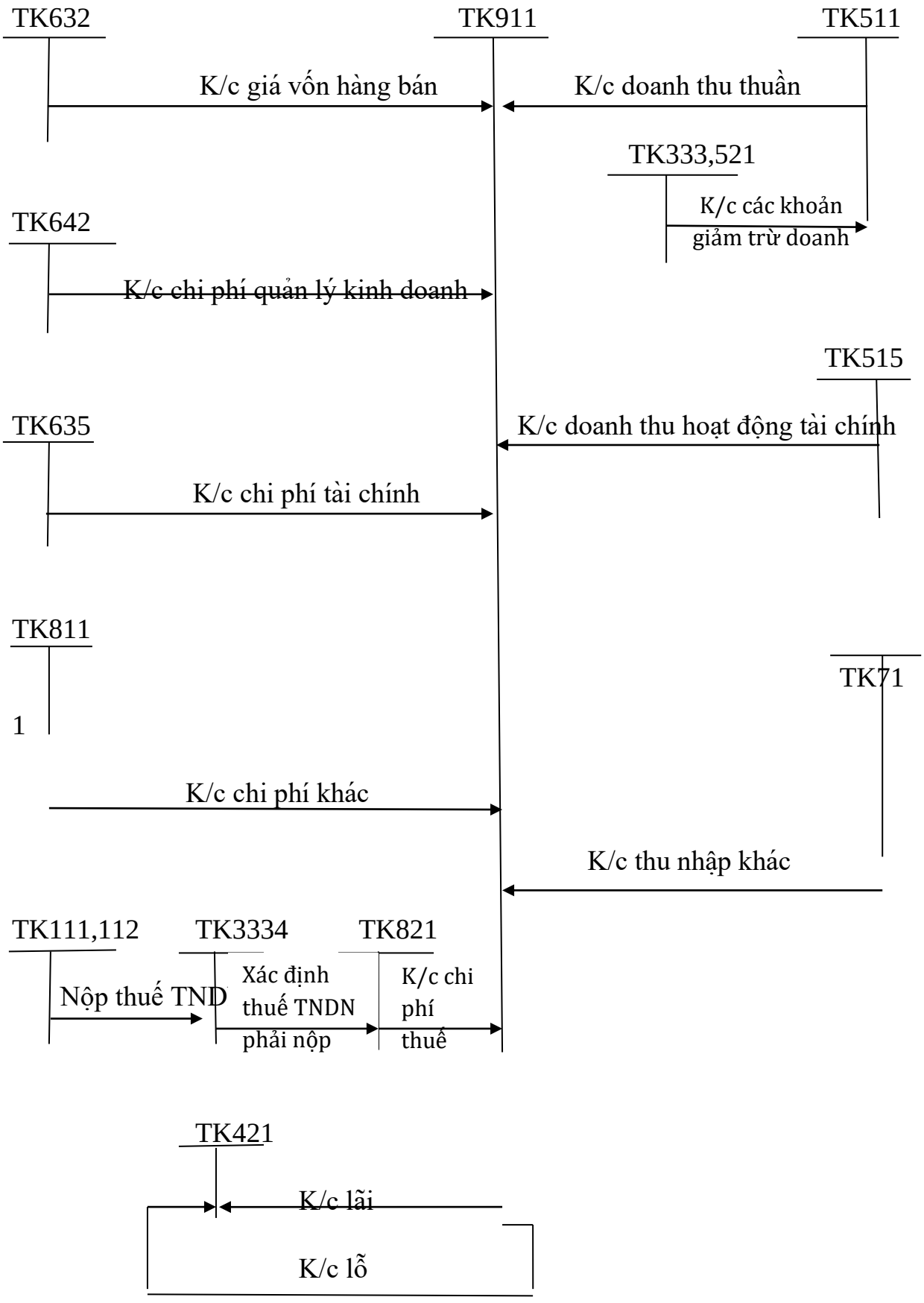
TK632
TK911
TK511
K/c giá vốn hàng bán
K/c doanh thu thuần
TK333,521
K/c các khoản giảm trừ doanh
TK642
K/c chi phí quản lý kinh doanh
TK515
TK635
K/c doanh thu hoạt động tài chính
K/c chi phí tài chính
TK811
1
TK71
K/c chi phí khác
K/c thu nhập khác
TK111,112
TK3334
TK821
Nộp thuế TND
Xác định thuế TNDN phải nộp
K/c chi phí thuế
TK421
K/c lãi
K/c lỗ

Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định trong doanh nghiệp.

❖ **Hình thức nhật ký chung**: kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ sau:

+ Nhật ký chung
+ Sổ nhật ký đặc biệt, sổ nhật ký bán hàng
+ Sổ cái
+ Các sổ thẻ kế toán chi tiết

Quy trình hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ 1.8

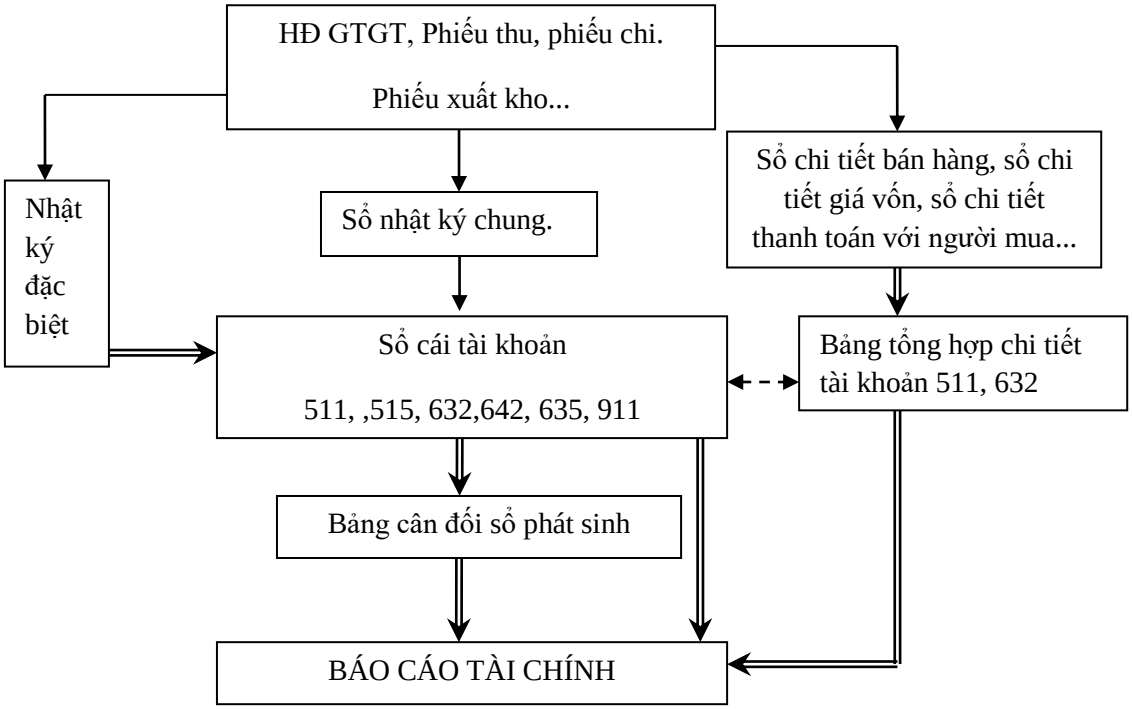

Sơ đồ 1.8. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung.

Ghi chú: Ghi hàng ngày : ⟶

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: ⟹

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ⟷

❖ **Hình thức chứng từ ghi sổ**: kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ sau:

+ Chứng từ ghi sổ
+ Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
+ Sổ cái

Quy trình hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ 1.9

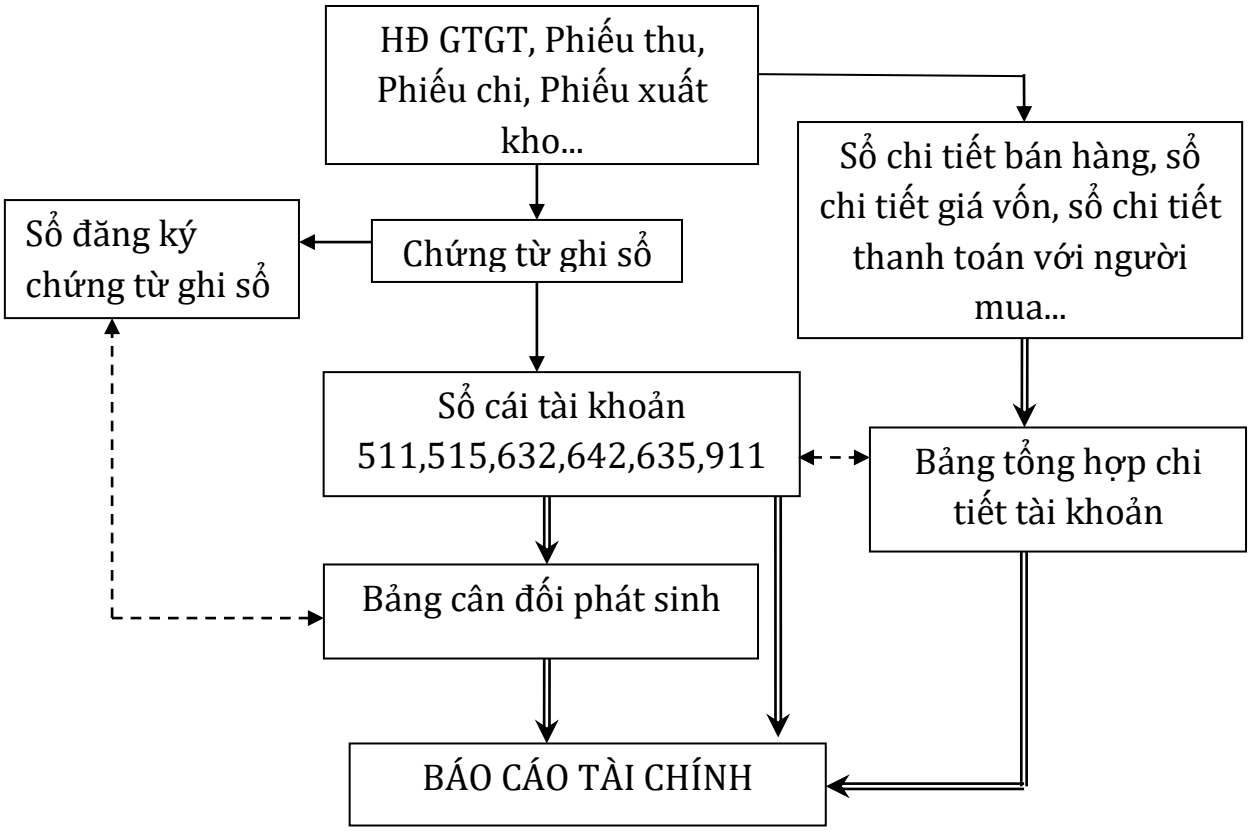

Sơ đồ 1.9. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Ghi chú: Ghi hàng ngày :

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:

❖ **Hình thức nhật ký – Sổ cái:** kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng sổ sau:

+ Sổ nhật ký – sổ cái
+ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Quy trình hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký – sổ cái được thể hiện qua sơ đồ 1.10. như sau:

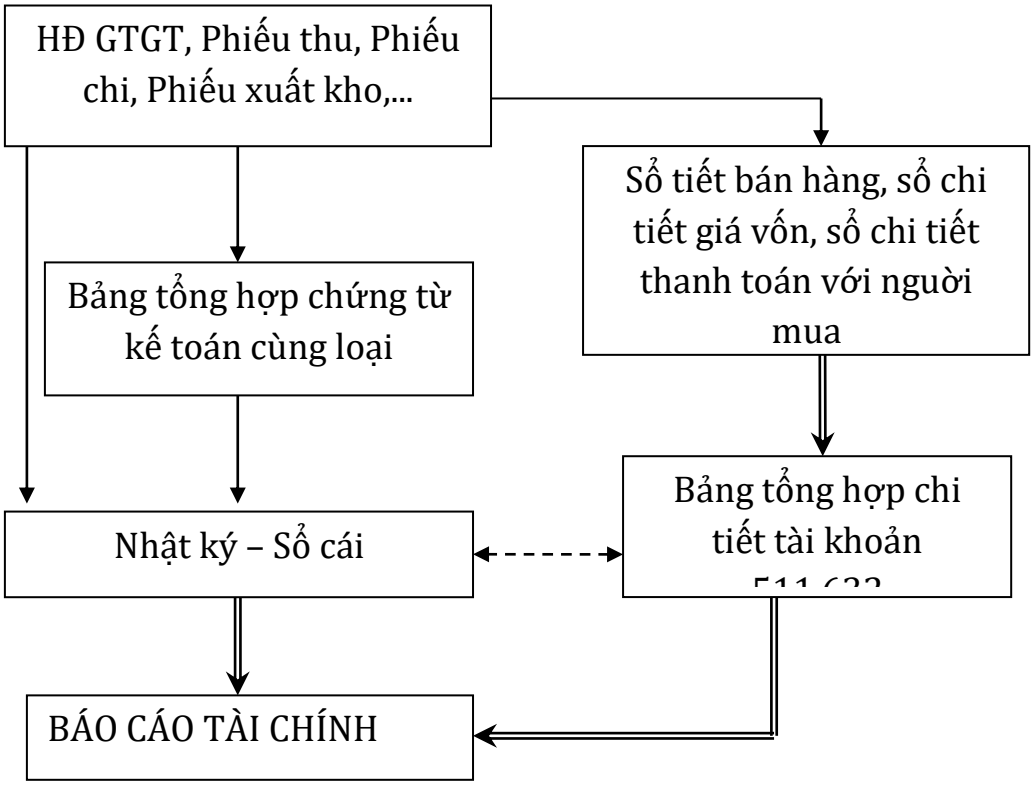

Sơ đồ 1.10. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký – sổ cái.

Ghi chú: Ghi hàng ngày :

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:

❖ **Hình thức kế toán máy**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cái tài chính theo quy định. Các loại của sổ hình thức kế toán trên máy vi tính: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của các loại kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

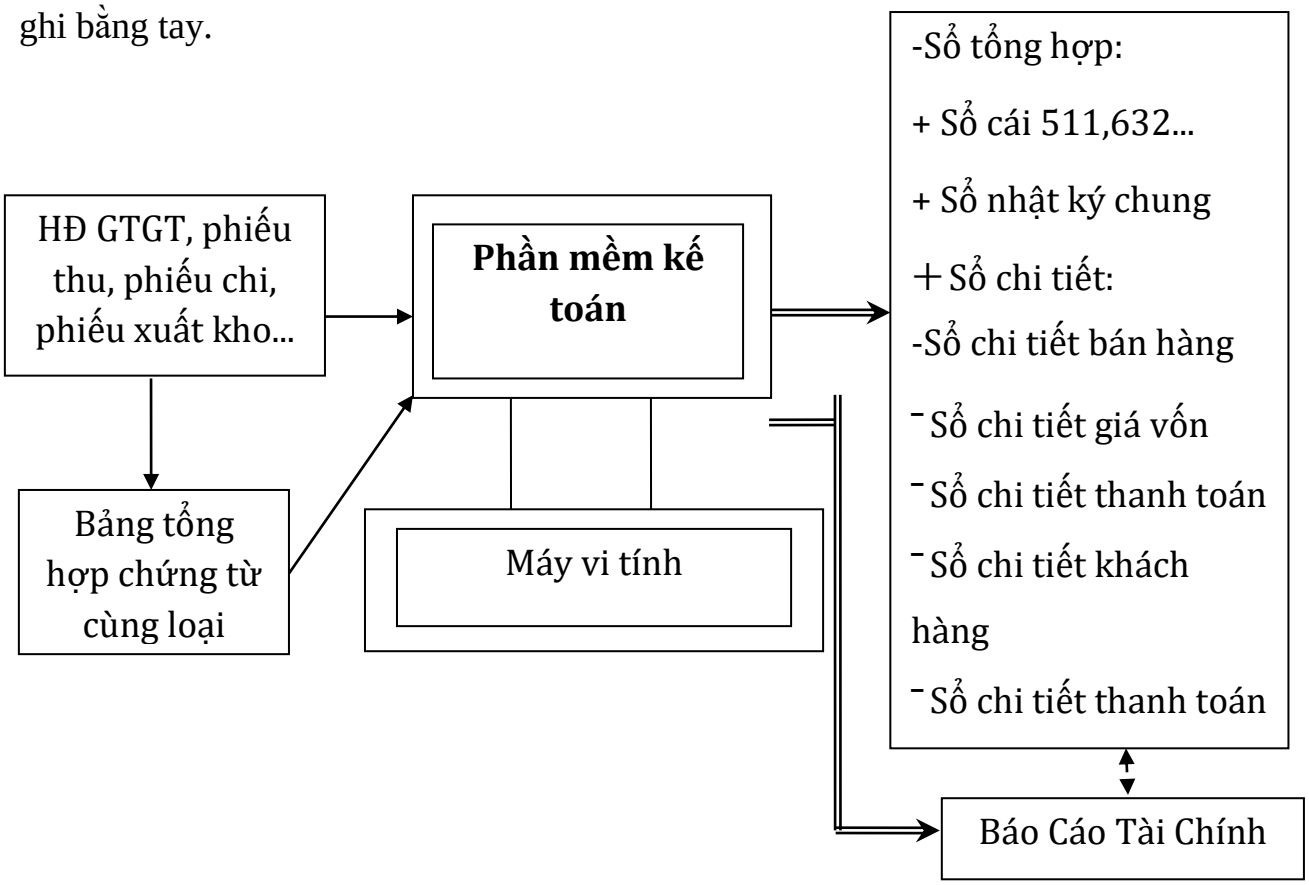

Sơ đồ 1.12. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy.

Ghi chú: Nhập số liệu hàng ngày : ⟶

In sổ, báo cáo cuối năm, cuối tháng : ⟹

Quan hệ đối chiếu : ◄------►

1.4. Một số điểm khác biệt giữa Thông tư 200 và Quyết định 48 trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế cho Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTC. Theo Điều 1 (Đối tượng áp dụng) của thông tư 200, thông tư này hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang thực hiện kế toán theo Chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ được vận dụng quy định của Thông tư này để kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của mình. Sau đây em xin nêu một số điểm khác biệt giữa thông tư 200 và quyết định 48 trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

-Về phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: thông tư 200 bỏ phương pháp nhập sau xuất trước và bổ sung 1 kỹ thuật mới xác định giá trị hàng tồn kho đó là phương pháp giá bán lẻ.

-Về hình thức kế toán: theo thông tư 200, tùy theo đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp được tự xây dựng hình thức ghi sổ kế toán và biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình trên cơ sở đảm bảo thông tin về các giao dịch phải được phản ánh đầy đủ, kịp thời, dễ kiểm tra, kiểm soát và đối chiếu.

-Về tài khoản kế toán:

- Khi hạch toán các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, theo Thông tư 200 kế toán sử dụng *TK 641 - Chi phí bán hàng* và *TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp* trong khi theo Quyết định 48 thì 2 khoản chi phí này được theo dõi trên *TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh*
- Khi hạch toán các khoản dự phòng phải thu khó đòi theo Quyết định 48 kế toán sử dụng *TK 159 - Các khoản dự phòng* nhưng ở Thông tư 200 bỏ TK 159 và hạch toán các khoản dự phòng trên *TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản.*

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VĨNH BẢO

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

❖ **Tổng quan về công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo:**

- Tên công ty: Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo
- Địa chỉ: Số nhà 20 đường Đông Hải, Khu 1-5, Thị Trấn Vĩnh Bảo, Huyện Vĩnh Bảo, Thành Phố Hải Phòng ,Việt Nam.
- Mã Số Thuế: 0200450052
- Giám đốc: Nguyễn Quốc Chiến
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng

❖ **Lịch sử hình thành và phát triển của công ty:**

Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo được thành lập lần đầu tiên vào ngày 07 tháng 08 năm 2000 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0200450052 ngày 07 tháng 08 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phong cấp

Thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần dưới sự quản lý của nhà nước nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn và tài nguyên của đất nước, tạo thêm việc làm, phát huy nội lực và khơi dậy tiềm năng, góp phần xây dựng tổ quốc. Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo đã chủ động tìm hiểu và nắm bắt được nhu cầu vệ sinh môi trường ngày càng cần thiết đối với môi trường sống và làm việc. Vì vậy công ty đã xác định cho mình phương hướng phát triển kinh tế ở lĩnh vực vệ sinh môi trường công cộng ở địa phương.

❖ **Ngành nghề kinh doanh:**

- Thu gom rác thải không độc hại
- Thu gom rác thải độc hại (Thu gom rác thải y tế)

- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại.
- Thoát nước và xử lý nước thải.
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (Vệ sinh công cộng).
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Trồng lúa.
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác.
- Trồng cây lấy củ có chất bột.
- Trồng cây mía.
- Trồng cây thuốc lá thuốc lào.
- Khai thác thủy sản biển.
- Khai thác thủy sản nội địa.
- Nuôi trồng thủy sản biển, nội địa.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Công trình dân dụng, cơ sở hạ tầng)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Xây dựng công trình công ích (Công trình điện).
- Giáo dục nghề nghiệp (Dạy nghề).
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.
- Bán buôn máy, móc thiết bị và phục tùng máy khác.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo:

Tổ chức bộ máy quản lý là một vấn đề hết sức quan trọng trong quá trình phát triển của một doanh nghiệp. Bộ máy quản lý chặt chẽ, có nhiều kinh nghiệm với trình độ chuyên môn cao tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển của công ty.

- ***Cơ cấu tổ chức của công ty được khái quát theo sơ đồ sau:***

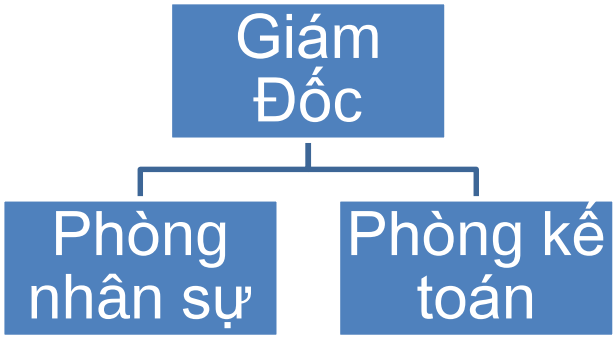

Sơ đồ 2.1 : Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

- ***Chức năng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận như sau:***

➢ **Giám đốc:**

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- Là người chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với công ty về các vấn đề như: công tác quy hoạch, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tổ chức cán bộ...
- Là người chịu trách nhiệm toàn bộ kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.
- Giám đốc có trách nhiệm thiết lập, duy trì và chỉ đạo việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng trong toàn công ty.
- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong công ty, có toàn quyền nhân danh công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty.

➢ **Phòng nhân sự:**

- Là bộ phận xây dựng chiến lược về nhân sự.
- Là bộ phận tuyển dụng và đào tạo nhân viên.
- Chịu trách nhiệm giám sát, đánh giá hoạt động của nhân viên, phòng ban.
- Tổ chức khen thưởng và kỷ luật.

➢ **Phòng kế toán:**

- Là bộ phận có chức năng tổ chức thực hiện công tác kế toán, tập hợp, xử lý và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin tài chính và kế toán cho giám đốc.
- Là bộ phận có chức năng tham mưu cho giám đốc về quản lý tài chính, quản lý kinh tế trên các lĩnh vực và những biện pháp nâng cao hiệu quả kinh tế toàn công ty.
- Là bộ phận có nhiệm vụ kiểm tra việc kiểm kê định kỳ hàng năm để quản lý điều hành và phục vụ quyết toán tài chính, lập các báo cáo cuối năm phục vụ nhu cầu quản lý của công ty.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo:

2.1.3.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán theo mô hình kế toán tập trung. Hình thức kế toán này đơn vị chỉ mở một bộ sổ kế toán, tổ chức một bộ máy kế toán để thực hiện các giai đoạn kế toán ở mỗi phần hành.

Trên mô hình này kế toán trung tâm của đơn vị sẽ thực hiện tất cả các công việc thu ngân, ghi sổ, xử lý thông tin trên báo cáo, phân tích tổng hợp.

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán công ty

Chức năng nhiệm vụ:

- *Kế toán trưởng:*

Chịu trách nhiệm quản lý và chỉ đạo chung mọi hoạt động liên quan đến kế toán trong công ty, chỉ đạo chung hoạt động của phòng và các nhân viên kế toán. Hàng tháng , hàng quý theo niên độ kế toán phải chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính theo quy định hiện hành để nộp lên cho lãnh đạo công ty và bộ phận chủ quan.

- *Kế toán viên:*

Phản ánh các nghiệm vụ kinh tế phát sinh hàng ngày trong công ty, cụ thể như:

- Theo dõi tình hình thu, chi tiền mặt.
- Theo dõi các khoản phải thu, phải trả và tình hình thanh toán các khoản công nợ của công ty.
- Theo dõi, quản lý và trích khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp.
- Lập bảng chấm công cho cán bộ công nhân viên và hàng tháng căn cứ vào bảng chấm công, đơn giá ngày công tính thu nhập cho từng người.
- Lập bảng thanh toán tiền lương.

- *Thủ quỹ:*

- Quản lý tiền mặt, theo nghiệm vụ thu chi.
- Kiểm kê, lập sổ quỹ theo quy định.
- Bảo quản,lưu trữ các chứng từ gốc, cung cấp dữ liệu cho kế toán thanh toán ghi sổ.

2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

- Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 hàng năm
- Phương pháp kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tổng hợp hàng tồn kho.

- Nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Tính giá trị hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao xác định phù hợp theo thông tư số 45/2013/TT-BTC.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam (VNĐ)
- Hình thức kế toán: Nhật ký chung

2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và hệ thống tài khoản

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính .

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung để ghi sổ kế toán.

Hệ thống sổ sách mà công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán của công ty:

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc kế toán ghi sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào những đối tượng cần theo dõi chi tiết và sổ quỹ. Định kỳ, từ nhật ký chung và sổ quỹ kế toán tiến hàng ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan. Đồng thời tiến hành đối chiếu với bảng tổng hợp chi tiết, kế toán ghi vào bảng cân đối kế toán. Khi tất cả số liệu trên bảng cân đối khớp, kế toán tiến hàng lập Báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán của công ty được thể hiện theo sơ đồ sau:

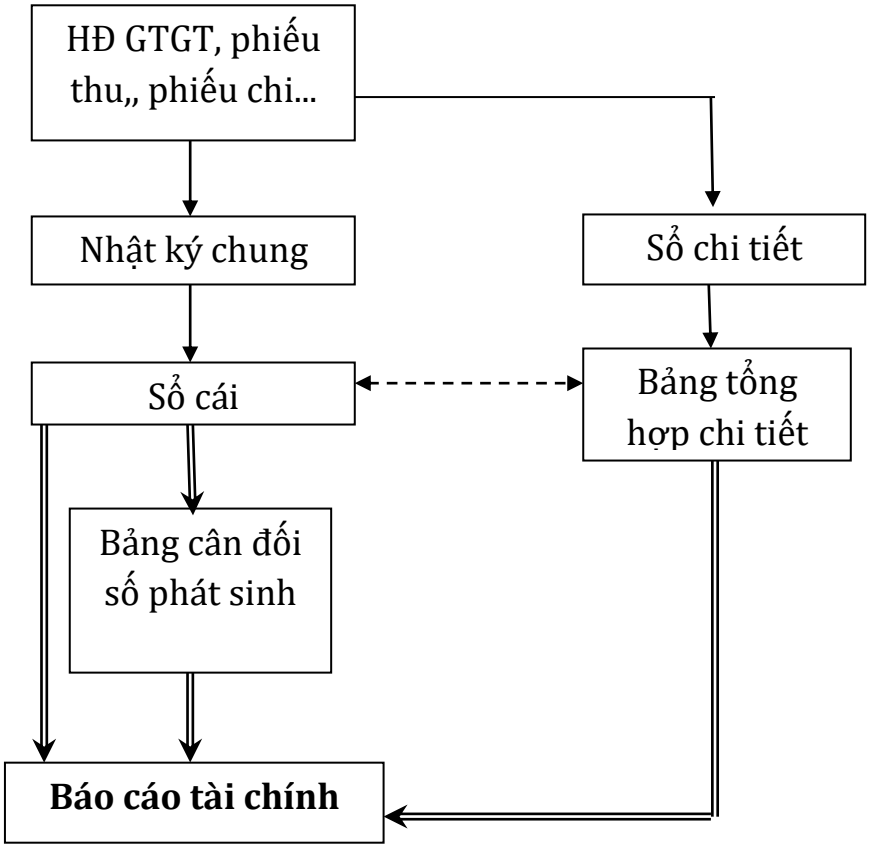

Sơ đồ 2.3 : Trình tự ghi sổ kế toán

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ——→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: ⟹

Đối chiếu, kiểm tra: ←- - - - -→

2.1.3.5. <u>Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính:</u>

Báo cáo của công ty theo niên độ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo bao gồm:

- Bảng cân đối tài khoản
- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.

2.2.1. Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

2.2.1.1. *Nội dung doanh thu cung cấp dịch vụ của công ty*

- Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo là công ty chuyên cung cấp các dịch vụ môi trường. Doanh thu của công ty là doanh thu về các dịch vụ dọn vệ sinh, thu gom rác thải công cộng tại xí nghiệp, chợ, trường học...
- Phương thức cung cấp dịch vụ: Theo phương pháp trực tiếp
- Hình thức thanh toán:

- Chưa thanh toán
- Tiền mặt
- Chuyển khoản

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112, 131...

2.2.1.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán doanh thu cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo được thể hiện qua sơ đồ 2.4 như sau:

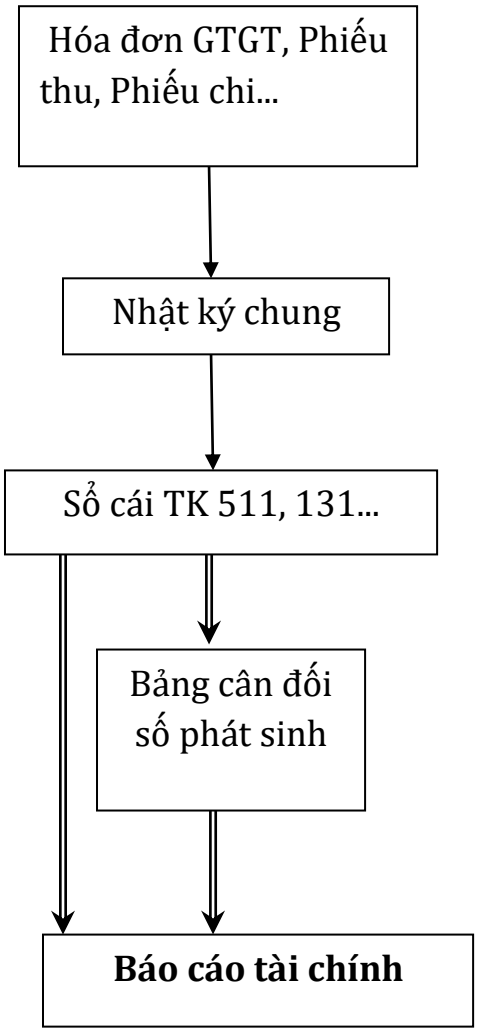

Sơ đồ 2.4 Quy trình hạch toán doanh thu cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ⟶

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: ⟹

Đối chiếu, kiểm tra: ⟷

Căn cứ vào các chứng từ gốc, hàng ngày kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào số Nhật ký chung. Hàng tháng, dựa vào sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành vào sổ cái tài khoản doanh thu. Sau đó so sánh số liệu giữa sổ cái và sổ tổng hợp chi tiết. Cuối năm tài chính, từ các sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

2.2.1.5. Ví dụ minh họa:

Ví dụ 01:

Ngày 28/02/2014 công ty thu gom rác thải cho công ty TNHH WELL POWER với tổng doanh thu 3.850.000 (đã có thuế GTGT 10%).

Kế toán định khoản:

Nợ TK 111 : 3.850.000

Có TK 511 : 3.500.000

Có TK 3331 : 350.000

Căn cứ vào HĐGTGT số 0000402(biểu 2.1) kế toán lập phiếu thu (biểu 2.2) sau đó kế toán ghi bút toán phản ánh doanh thu của nghiệp vụ trên vào sổ Nhật Ký Chung (biểu 2.5), từ đó ghi vào Sổ cái TK 511 (biểu 2.6).

Ví dụ 02:

Ngày 25 /03/2014 Công ty May Hai trả tiền thu gom rác thải quý 1cho Công ty bằng chuyển khoản với tổng doanh thu 6.864.000 đã có thuế GTGT 10%.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 112 : 6.864.000

Có TK 511 : 6.240.000

Có TK 3331 : 624.000

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0000404 (biểu 2.3) và Sổ phụ (biểu 2.4) kế toán ghi bút toán phản ánh doanh thu của nghiệp vụ trên vào sổ Nhật Ký Chung (biểu 2.5) từ đó ghi vào Sổ cái TK 511 (biểu 2.6)

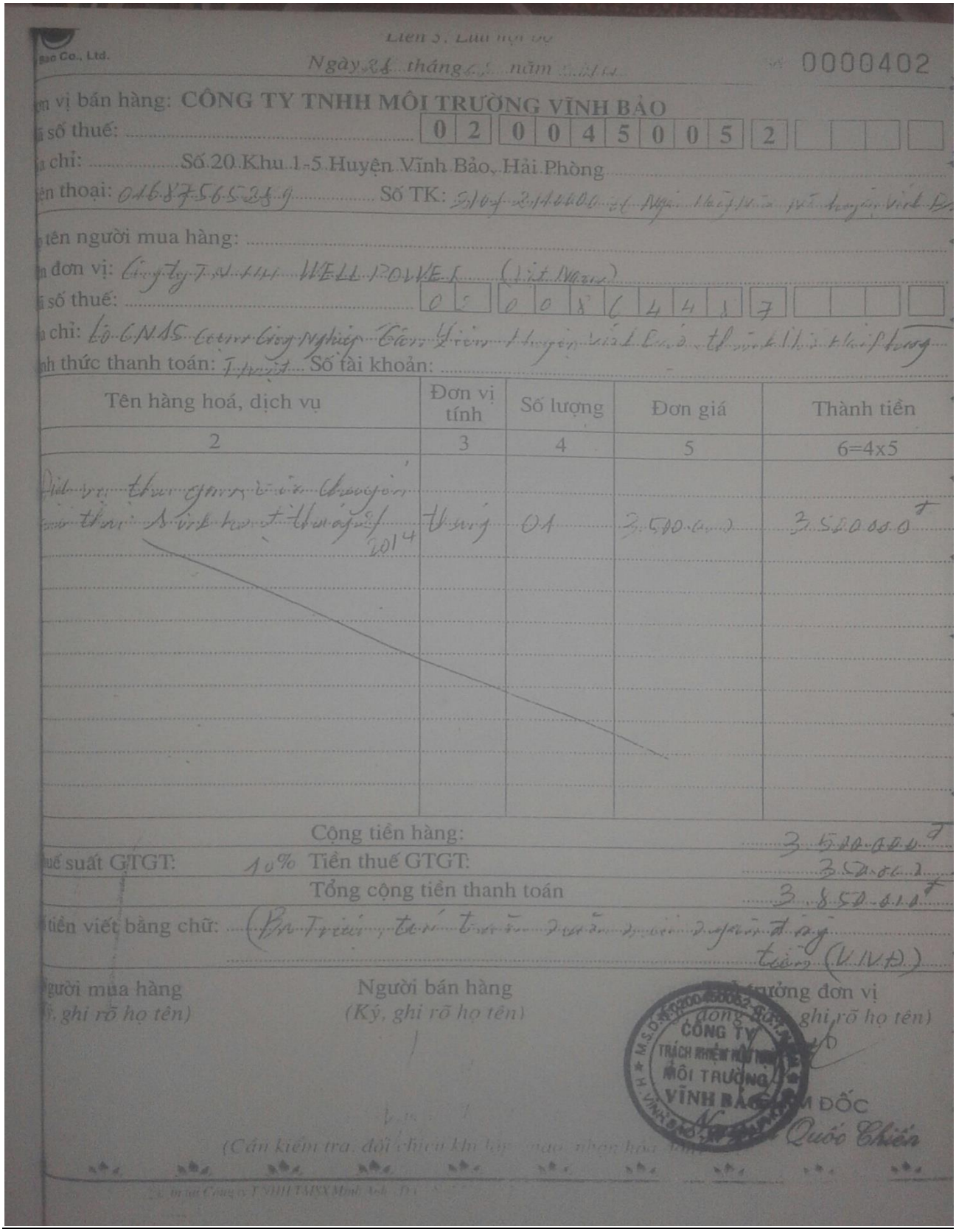

Liên 3: Lưu nội bộ

Ngày 24 tháng 6 năm 2014 — 0000402

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VĨNH BẢO

Mã số thuế: 0 2 0 0 4 5 0 0 5 2

Địa chỉ: Số 20 Khu 1-5 Huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Điện thoại: 0168756535 Số TK: 2101 211000 ... Ngân hàng ... Việt Đ...

Họ tên người mua hàng: ...

Tên đơn vị: Công ty TNHH WELL POWER (Việt Nam)

Mã số thuế: 0 2 0 0 8 6 4 4 1 7

Địa chỉ: Lô CN15 Cụm Công Nghiệp Cao Xanh Huyện Hòn Gai Thành phố Hạ Long

Hình thức thanh toán: T/mặt Số tài khoản: ...

Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2	3	4	5	6=4x5
Dịch vụ thu gom và vận chuyển chất thải rắn thông thường 2014	Tháng	01	3.500.000	3.500.000

Cộng tiền hàng: 3.500.000

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 350.000

Tổng cộng tiền thanh toán 3.850.000

Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn (V.N.D)

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG VĨNH BẢO

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Chiến

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Công ty TNHH TMSX Minh Anh

Biểu 2.1. Trích Hóa đơn GTGT số 0000402

CONG TY TNHH MOI TRƯƠNG VINH BAO

Địa chỉ:Số nhà 20, đường Đông Hải, Khu phố 1/5, Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 01687565289

Mẫu số: 01-TT

Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Số PT00064

PHIẾU THU

Ngày 28 tháng 02 năm 20

NỢ 111 3.850.000

CÓ 511 3.500.000

CÓ 3331 350.000

Họ tên người nộp tiền: Hoàng Thị Chi

Địa chỉ: **Công ty TNHH Wellpower Việt Nam**

Lý do: Công ty Wellpower thanh toán phí thu gom vận chuyển rác thải

Số tiền: 3.850.000 (viết bằng chữ): Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Thủ quỹ**	**Người lập phiếu**	**Người nộp tiền**

Kèm theo: HĐ

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).

+ Số tiền quy đổi:

Biểu 2.2 Trích phiếu thu số 00064

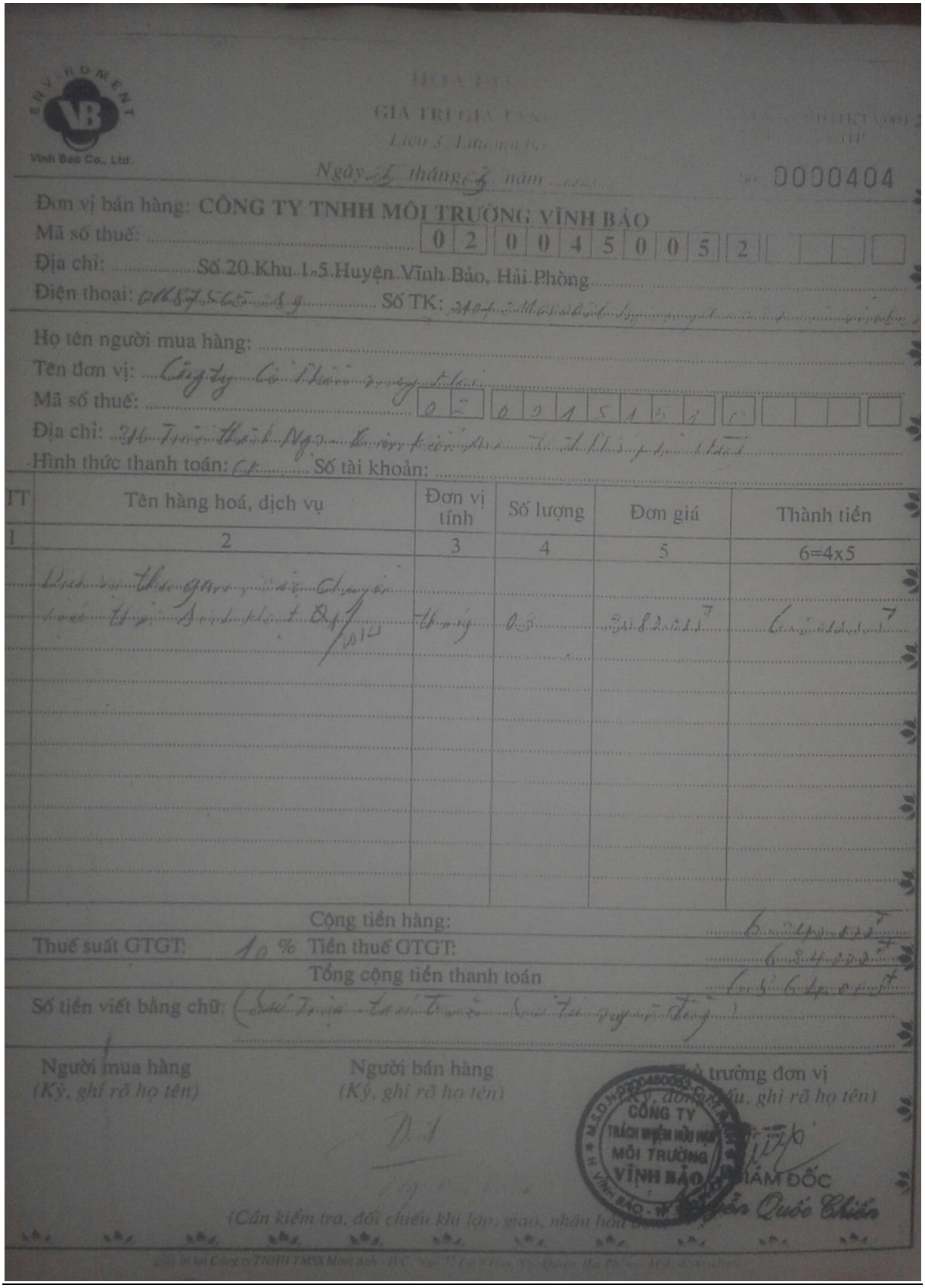

Vinh Bao Co., Ltd.

Ngày 5 tháng 3 năm ... 0000404

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VĨNH BẢO

Mã số thuế: 0 2 0 0 4 5 0 0 5 2

Địa chỉ: Số 20 Khu 1-5 Huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Điện thoại: ... Số TK: ...

Họ tên người mua hàng: ...

Tên đơn vị: ...

Mã số thuế: ...

Địa chỉ: ...

Hình thức thanh toán: ... Số tài khoản: ...

TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	...	...	0.3	...	...

Cộng tiền hàng: ...

Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: ...

Tổng cộng tiền thanh toán ...

Số tiền viết bằng chữ: ...

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)

... trưởng đơn vị ... ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG VĨNH BẢO

GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Chiến

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu 2.3. Trích Hóa đơn GTGT số 0000404

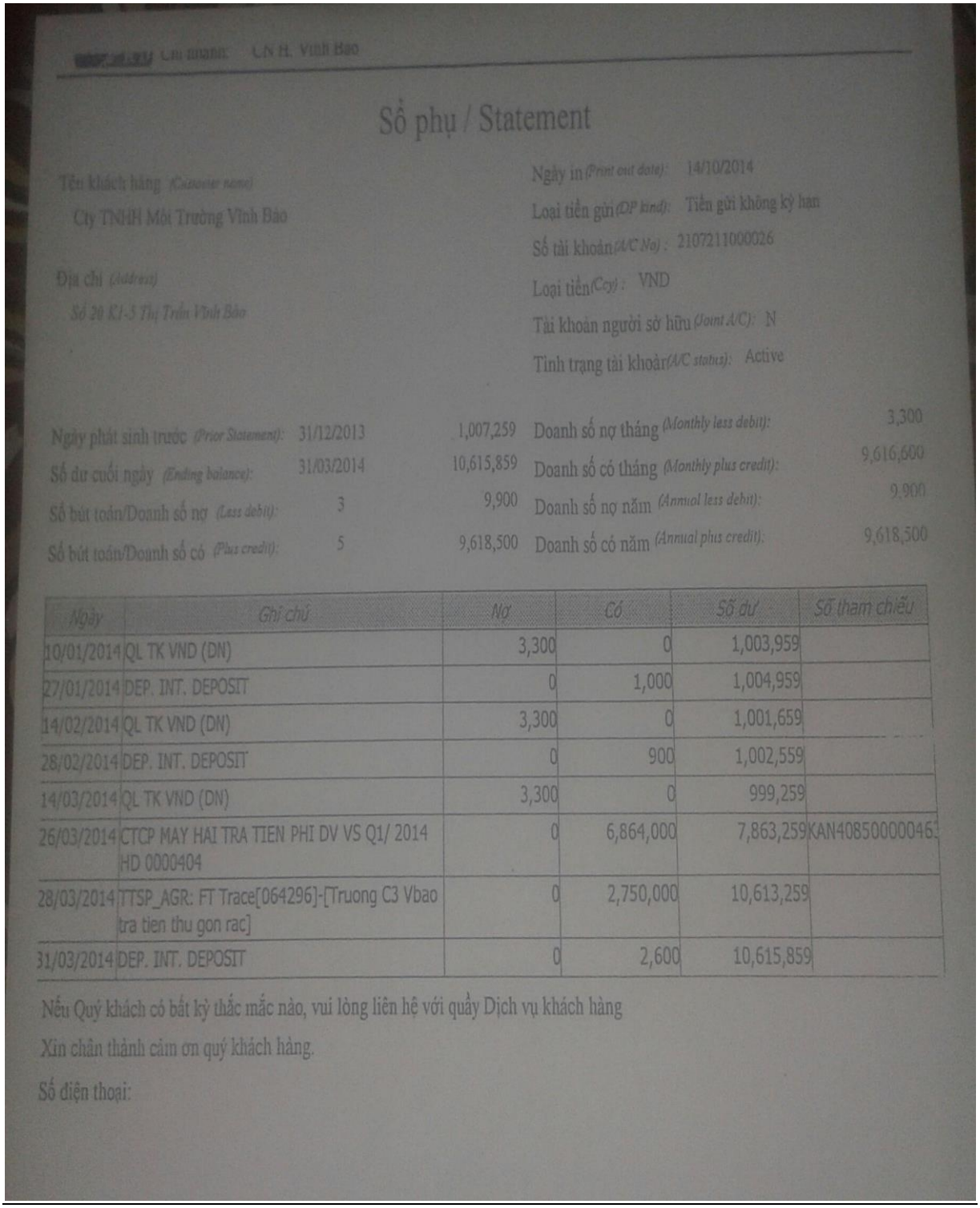

CN H. Vĩnh Bảo

Sổ phụ / Statement

Tên khách hàng (Customer name)
Cty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Địa chỉ (Address)
Số 20 K1-3 Thị Trấn Vĩnh Bảo

Ngày in (Print out date): 14/10/2014
Loại tiền gửi (DP kind): Tiền gửi không kỳ hạn
Số tài khoản (A/C No): 2107211000026
Loại tiền (Ccy): VND
Tài khoản người sở hữu (Joint A/C): N
Tình trạng tài khoản (A/C status): Active

Ngày phát sinh trước (Prior Statement):	31/12/2013	1,007,259	Doanh số nợ tháng (Monthly less debit):	3,300
Số dư cuối ngày (Ending balance):	31/03/2014	10,615,859	Doanh số có tháng (Monthly plus credit):	9,616,600
Số bút toán/Doanh số nợ (Less debit):	3	9,900	Doanh số nợ năm (Annual less debit):	9,900
Số bút toán/Doanh số có (Plus credit):	5	9,618,500	Doanh số có năm (Annual plus credit):	9,618,500

Ngày	Ghi chú	Nợ	Có	Số dư	Số tham chiếu
10/01/2014	QL TK VND (DN)	3,300	0	1,003,959	
27/01/2014	DEP. INT. DEPOSIT	0	1,000	1,004,959	
14/02/2014	QL TK VND (DN)	3,300	0	1,001,659	
28/02/2014	DEP. INT. DEPOSIT	0	900	1,002,559	
14/03/2014	QL TK VND (DN)	3,300	0	999,259	
26/03/2014	CTCP MAY HAI TRA TIEN PHI DV VS Q1/ 2014 HD 0000404	0	6,864,000	7,863,259	KAN408500000461
28/03/2014	TTSP_AGR: FT Trace[064296]-[Truong C3 Vbao tra tien thu gon rac]	0	2,750,000	10,613,259	
31/03/2014	DEP. INT. DEPOSIT	0	2,600	10,615,859	

Nếu Quý khách có bất kỳ thắc mắc nào, vui lòng liên hệ với quầy Dịch vụ khách hàng

Xin chân thành cảm ơn quý khách hàng.

Số điện thoại:

Biểu 2.4.: Trích Sổ phụ ngân hàng

CONG TY TNHH MOI TRƯƠNG VINH BAO

Địa chỉ:Số nhà 20, đường Đông Hải, Khu phố 1/5, Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 01687565289

Mẫu số S03a-DNN

Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính:Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
...	...	...	...	...	...	...
28/02	PT00064	28/02	Công ty thu gom rác thải cho Công ty TNHH WELL POWER	1115 5113 3331	3.850.000	 3.500.000 350.000
...	...	...	...	...	...	...
26/03	SP2603	26/03	Công ty May Hai trả tiền thu gom rác thải Q1 bằng CK	1125 5113 3331	6.864.000	 6.240.000 624.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch	5119 11	327.169.636	 327.169.636

			vụ			
31/12	PKT85	31/12	Kết chuyển lỗ	421911	9.671.840	9.671.840
			Cộng số phát sinh		27.303.782.265	27.303.782.265

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Giám đốc

(ký, ghi rã họ tên) (ký, ghi rõ họ tên)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.5 Trích sổ Nhật Ký Chung

Mẫu số S03b-DNN

Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Số 20 khu phố 1/5 TT Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Sổ cái

Năm 2014

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính:Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có

1	2	3	4	5	6	7
			Phát sinh trong kỳ		-	
...	...	...	...	...	...	...
28/02	PT00064	28/02	Công ty thu gom rác thải cho công ty TNHH WELL POWER	111		3.500.000
..	...	...	...	...	...	...
26/03	SP2603	26/03	Công ty May Hai trả tiền thu gom rác thải Q1 bằng CK	112		6.240.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	911	327.169.636	
			Cộng số phát sinh		327.169.636	327.169.636

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu	**kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(ký, ghi rõ họ tên)	*(ký, ghi rõ họ tên)*	*(ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu 2.6 Trích Sổ Cái TK 511

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

2.2.2.1. *Nội dung giá vốn hàng bán tại Công ty*

Giá vốn hàng bán là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ được tập hợp bên Nợ TK 154 cuối kỳ kết chuyển sang TK 632 do công ty là công ty cung cấp dịch vụ.

2.2.2.2. *Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu, phiếu chi
- Các chứng từ liên quan khác

2.2.2.3. *Tài khoản sử dụng*

- Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán
- Tài khoản 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Đồng thời kế toán sử dụng các tài khoản có liên quan như: TK 111, TK 112, TK 131, TK 3331

2.2.2.4. *Quy trình hạch toán*

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán của Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo được thể hiện qua sơ đồ 2.5 như sau:

Hóa đơn GTGT,Phiếu thu, Phiếu chi...

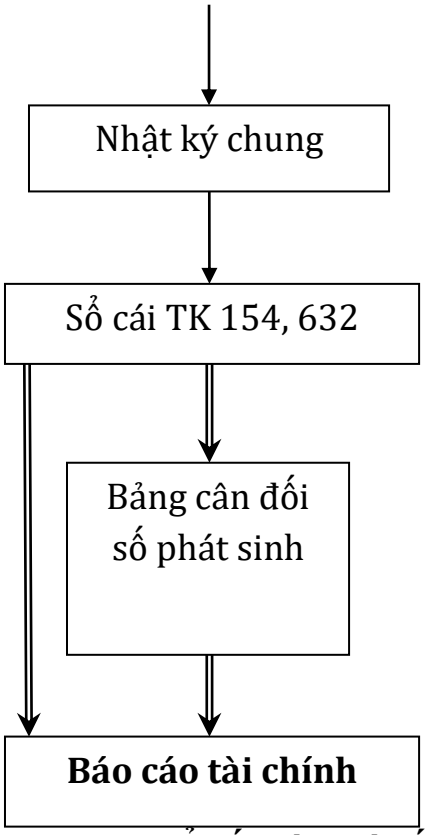

Sơ đồ 2.5 : Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ——►

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: ═══►

Đối chiếu, kiểm tra: ◄- - - - - -►

2.2.2.5. *Ví dụ minh họa:*

Ví dụ 01 :

Ngày 10/01/2014 công ty mua thuốc diệt côn trùng khử khuẩn tại đại lý bán lẻ trị giá 5.500.000 đồng trả bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 154 : 5.500.000

Có TK 111 : 5.500.000

Căn cứ vào Hóa đơn bán lẻ (Biểu 2.7) và Hóa đơn bán hàng của người bán giao cho số HĐ0056766 (Biểu 2.8) kế toán lập Phiếu chi (Biểu 2.9) sau đó ghi bút toán phản ánh chi phí vào sổ Nhật Ký Chung (Biểu 2.13) từ đó ghi vào Sổ Cái TK154 (Biểu 2.14)

Ví dụ 02 :

31/03/ 2014 Công ty mua xăng dầu tại Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Bảo với tổng số tiền 8.024.250 (thuế GTGT 10%).

Kế toán định khoản:

Nợ TK 154 : 7.294.773

Nợ TK 133 : 729.477

Có TK 111 : 8.024.250

Căn cứ vào HĐ GTGT của người bán giao cho số HĐ0016749 (Biểu 2.10) kế toán lập Phiếu chi (Biểu 2.11) sau đó ghi bút toán phản ánh chi phí vào sổ Nhật Ký Chung (Biểu 2.13) từ đó ghi vào Sổ Cái TK154 (Biểu 2.14).

Ví dụ 03:

Căn cứ vào các chi phí phát sinh được tổng hợp trên Sổ cái TK 154 ngày 31/12/2014 kế toán lập Phiếu kế toán (Biểu 2.12) kết chuyển giá vốn dịch vụ

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 67.910.383

Có TK 154: 67.910.383

Bút toán trên được phản ánh vào sổ Nhật Ký Chung (Biểu 2.13) từ đó ghi vào Sổ Cái TK632 (Biểu 2.15).

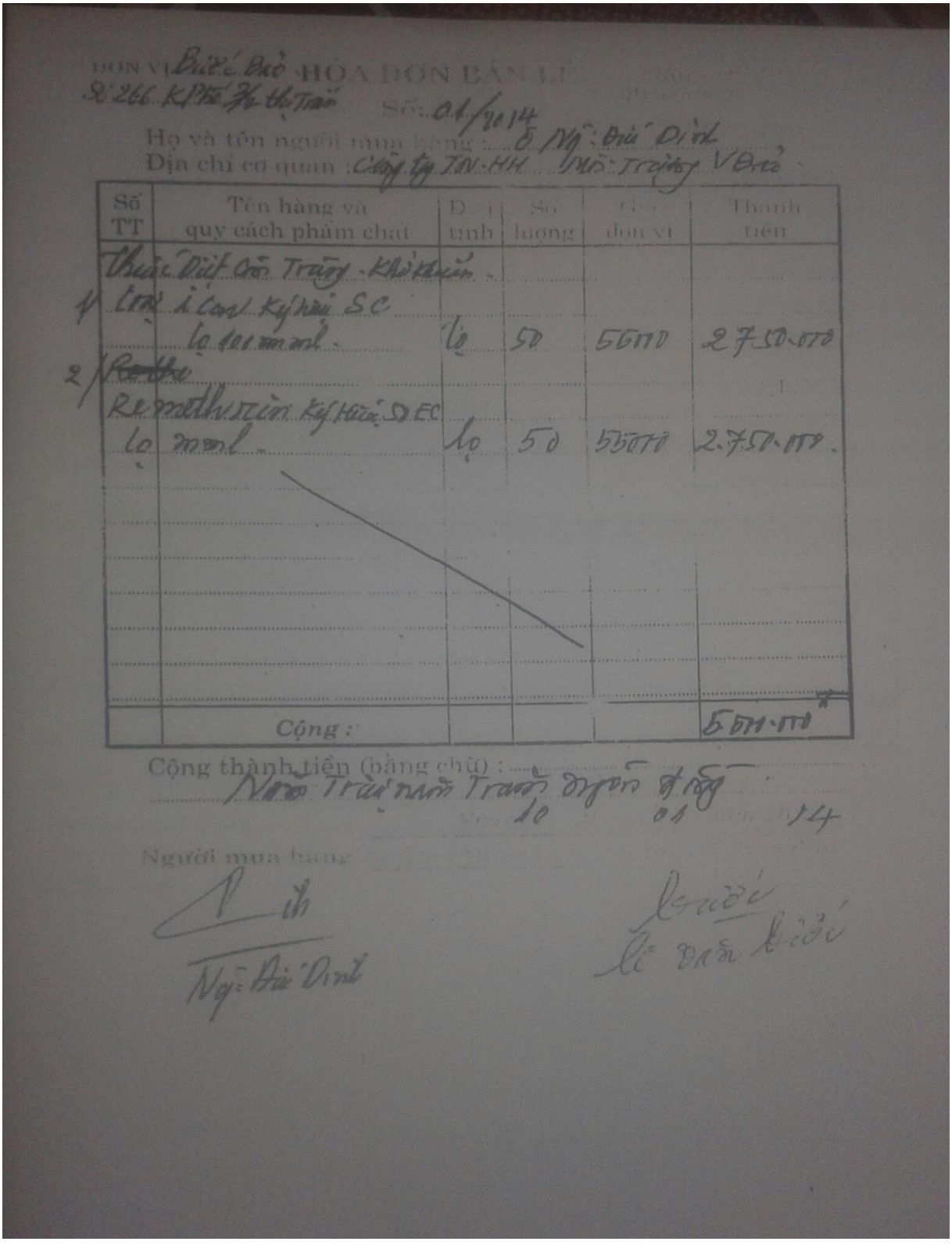

HÓA ĐƠN BÁN LẺ

Số: 01/2014

Họ và tên người mua hàng: Ông Nguyễn Đình

Địa chỉ cơ quan: Công ty TNHH Nhà Trường Việt Đức

Số TT	Tên hàng và quy cách phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Thành tiền
	Thuốc diệt cỏ Trường Khải Hoàn				
1	Lông ic Cor Ký hiệu S.C				
	lọ 100 ml	lọ	50	56000	2.750.000
2	Rambo				
	Remethurin Ký hiệu SEC				
	lọ 100ml	lọ	50	55000	2.750.000
	Cộng:				5.500.000

Cộng thành tiền (bằng chữ): Năm Triệu năm Trăm Nghìn đồng chẵn

Ngày 10 tháng 01 năm 14

Người mua hàng

Ông Nguyễn Đình

Người bán hàng

Lê Thị Hoài

Biểu 2.7.: Trích Hóa đơn bán lẻ

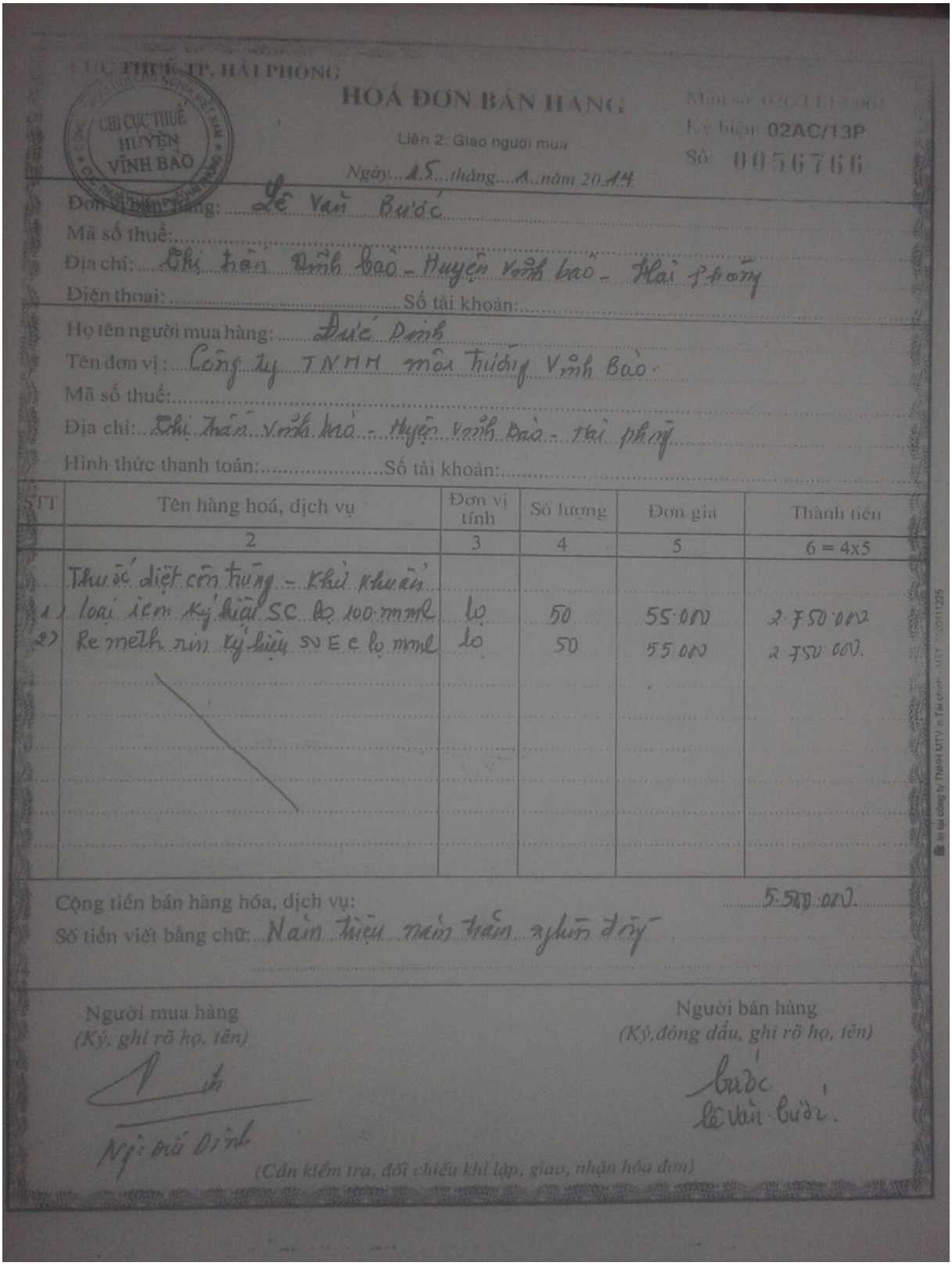

CỤC THUẾ TP. HẢI PHÒNG

CHI CỤC THUẾ HUYỆN VĨNH BẢO

HOÁ ĐƠN BÁN HÀNG

Liên 2: Giao người mua

Ký hiệu: 02AC/13P

Số: 0056766

Ngày 15 tháng 4 năm 2014

Đơn vị bán hàng: Lê Văn Bước

Mã số thuế:

Địa chỉ: Thị trấn Vĩnh Bảo - Huyện Vĩnh Bảo - Hải Phòng

Điện thoại: Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Đức Định

Tên đơn vị: Công ty TNHH môi trường Vĩnh Bảo

Mã số thuế:

Địa chỉ: Thị trấn Vĩnh Bảo - Huyện Vĩnh Bảo - Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	2	3	4	5	6 = 4x5
	Thuốc diệt côn trùng - Khử khuẩn				
1)	loại lọ ký hiệu SC lọ 100 ml/l	lọ	50	55.000	2.750.000
2)	Remeth rin ký hiệu SUEC lọ 100ml	lọ	50	55.000	2.750.000

Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ: 5.500.000

Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu năm trăm nghìn đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Vũ Đức Định

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Lê Văn Bước

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu 2.8.: Trích Hóa đơn bán hàng số 0056766

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VĨNH BẢO
Mẫu số: 02-TT

Địa chỉ: Số nhà 20, đường Đông Hải, Khu phố 1/5, Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Điện thoại: 01687565289
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Số PC00023

PHIẾU CHI

NỢ 154 5.500.000

Ngày 15 tháng 01 năm 2014 CÓ 111 5.500.000

Họ tên người nhận tiền: **Nguyễn Đức Dinh**

Địa chỉ: VP công ty

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Thủ quỹ**	**Người lập phiếu**	**Người nhận tiền**

Lý do: Thanh toán tiền thuốc diệt côn trùng khử khuẩn

Số tiền: 5.500.000 (viết bằng chữ): Năm triệu năm trăm nghìn đồng

Kèm theo: HĐ

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).

+ Số tiền quy đổi:

Biểu 2.9 : Trích Phiếu chi số 00023

Mẫu số: 01GTKT2/002
Ký hiệu: AB/14P
Số:

(Liên 2: Giao người mua)

Ngày tháng năm

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III - TNHH MỘT THÀNH VIÊN Mã số thuế: 0200120833
Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Cửa hàng số:
Người mua hàng:
Đơn vị mua hàng: Mã số thuế:
Địa chỉ: Phương thức thanh toán:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Qui I/2014				
			Cộng tiền hàng		
			Tiền thuế GTGT (%)		729.477
			Tiền phí khác		
			Tổng số tiền thanh toán		8.024.250

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ:

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

Biểu 2.10: Trích Hóa đơn GTGT số 0016749

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VĨNH BẢO
Mẫu số: 02-TT

Địa chỉ: Số nhà 20, đường Đông Hải, Khu phố 1/5, Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Điện thoại: 01687565289
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Số PC00107

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 03 năm 201

Nợ TK 154 : 7.294.773
Nợ TK 133 : 729.477
Có TK 111 : 8.024.250

Họ tên người nhận tiền: **Nguyễn Đức Dinh**

Địa chỉ: VP công ty

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Thủ quỹ**	**Người lập phiếu**	**Người nhận tiền**

Lý do: Thanh toán tiền xăng dầu quý 1/2014

Số tiền: 8.024.250 (viết bằng chữ): Tám triệu không trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng

Kèm theo: HĐ

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).

+ Số tiền quy đổi:

Biểu 2.11: Trích Phiếu chi số 00107

Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Số 20 khu phố 1/5 TT Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Phiếu Kế Toán

Số 82

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn dịch vụ	632	154	167.910.383
	Cộng			167.910.383

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán trưởng **Người lập phiếu**

(ký, họ tên) *(ký, họ tên)*

Biểu 2.12 : Phiếu kế toán Số 82

CONG TY TNHH MOI TRƯƠNG VINH BAO

Địa chỉ:Số nhà 20, đường Đông Hải, Khu phố 1/5, Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 01687565289

Mẫu số S03a-DNN

Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính:Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
...	...	...	...	...	...	...

10/01	PC00023	10/01	Mua thuốc diệt côn trùng khử khuẩn tại đại lý bán lẻ	154 111	5.500.000	 5.500.000
...	...	...	...	...	...	...
31/03	PC000107	31/03	Mua xăng dầu tại Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Bảo	154 133 111	7.294.773 729.477	 8.024.250
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT82	31/12	Kết chuyển giá vốn dịch vụ	632 154	167.910.383	 167.910.383
31/12	PKT84	31/12	Kết chuyển giá vốn XĐKQKD	911 632	167.910.383	 167.910.383
			Cộng số phát sinh		27.303.782.265	27.303.782.265

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Giám đốc

(ký, ghi rã họ tên) (ký, ghi rõ họ tên)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.13: Trích sổ Nhật Ký Chung

Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Số 20 khu phố 1/5 TT Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Sổ cái

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Đơn vị tính:Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư đầu kỳ		-	
...	...	...	...	...	...	...
10/01	PC00023	10/01	Mua thuốc diệt côn trùng khử khuẩn tại đại lý bán lẻ	111	5.500.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/03	PC00107	31/03	Mua xăng dầu tại Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Bảo	111	7.294.773	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT82	31/12	Kết chuyển giá vốn dịch vụ	632 154	167.910.383	167.910.383
			Cộng số phát sinh		167.910.383	167.910.383
			Số dư cuối kỳ		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu **kế toán trưởng** **Giám đốc**

(ký, ghi rõ họ tên) *(ký, ghi rõ họ tên)* *(ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu 2.14: Trích Sổ Cái TK154

Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Số 20 khu phố 1/5 TT Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Sổ cái

Năm 2014

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính:Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư đầu kỳ		-	
31/12	PKT82	31/12	Kết chuyển giá vốn dịch vụ	154	167.910.383	

31/12	PKT84	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		167.910.383
			Cộng số phát sinh		167.910.383	167.910.383
			Số dư cuối kỳ		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu	**kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(ký, ghi rõ họ tên)	*(ký, ghi rõ họ tên)*	*(ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu 2.15 : Trích Sổ Cái TK 632

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

2.2.3.1. *Nội dung chi phí quản lý kinh doanh*

Chi phí quản lý kinh doanh gồm chi phí tiền lương cho nhân viên quản lý, chi phí khấu hao, tiền điện nước,dụng cụ văn phòng...

2.2.3.2. *Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu chi
- Giấp báo nợ
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.3.3. *Tài khoản sử dụng:*

TK 642 : Chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.4. ***Quy trình hạch toán***

Quy trình hạch toán chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo được thể hiện qua sơ đồ 2.6 như sau:

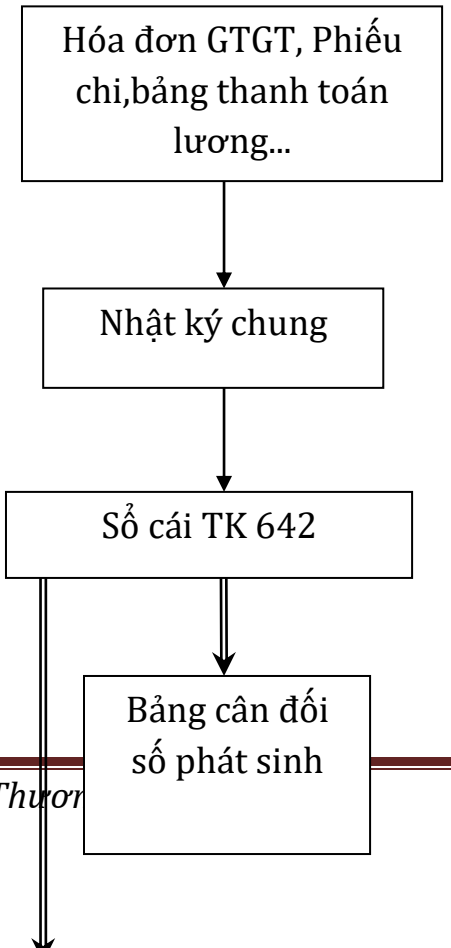

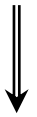

Sơ đồ 2.6 : Trình tự ghi sổ kế toán chi phí kinh doanh tại công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ:

Đối chiếu, kiểm tra:

2.2.3.5. ***Ví dụ minh họa:***

Ngày 31/03/2014, thanh toán tiền dịch vụ cước thuê bao FPT tổng số tiền 88.000 đồng (VAT 10 %)

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642 : 80.000

Nợ TK 133 : 8.000

Có TK 111 : 88.000

Căn cứ vào HĐ GTGT (Biểu 2.16) kế toán lập Phiếu chi (Biểu 2.17) kế toán ghi bút toán phản ánh chi phí quản lý kinh doanh vào sổ Nhật Ký Chung (Biểu 2.18) từ đó ghi vào Sổ Cái TK 642 (Biểu 2.19)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT
Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà FPT, đường Lê Hồng Phong, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
Mã số thuế: 0101778163
Điện thoại: (031)7300 8888-Fax (031)3795 0047

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(Bản thể hiện hóa đơn điện tử)
Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Mã số: 01GTKT0/001
Ký hiệu: TM/14E
Số : 0164555
ID HĐ : MHNA0164555

Tên khách hàng (Customer name): Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo
Mã số thuế (Tax Code): 0200450052
Địa chỉ (Address) : Số nhà 20 đường Đông Hải, Khu 1/5, Vĩnh Bảo, Hải Phòng
Hình thức thanh toán (Kind of payment): Tiền mặt Số tài khoản (Bank account):

Tên truy cập (User name)	Hndsl-131205-539	Mã khách hàng(Customer ID)	HND398539
Gói dịch vụ(Service Paciaga)	ADSL-MegaSAVE-Flat		
Cước phí từ ngày (From):	01/03/2014	Đến ngày (To): 31/03/2014	Chi tiết (Detal)

STT (No)	Khoản (Items)	Số tiền(Amount):VND
1	Cuoc Thue bao (Monthly Fee)	80.000
	Cộng (Total)	80.000
Thuế suất GTGT (VAT) 10%	Tiền thuế GTGT(VAT Amount)	8.000
	Tổng cộng (Grand Total)	88.000
Số tiền viết bằng chữ (Sum in word): Tam muoi tam nghin dong chan		

Phần dành cho chữ ký số

Ký bởi: Công ty cổ phần viễn thông FPT

Ngày ký: 31/03/2014 07:00:00
(Asia/Bangkok

Biểu 2.16: Trích HĐ GTGT số 0164555

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VĨNH BẢO
Mẫu số: 02-TT

Địa chỉ: Số nhà 20, đường Đông Hải, Khu phố 1/5, Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Điện thoại: 01687565289

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Số PC00108

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

NỢ 642	80.000	
NỢ 133	8.000	
CÓ 111		88.000

Họ tên người nhận tiền: **Nguyễn Đức Dinh**

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Thủ quỹ**	**Người lập phiếu**	**Người nhận tiền**

Địa chỉ: VP Công ty

Lý do: Trả tiền cước thuê bao FPT

Số tiền: 88.000 (viết bằng chữ): Tám mươi tám nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 HĐ

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).

+ Số tiền quy đổi:

Biểu 2.17 : Trích Phiếu thu số 000108

Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Số 20 khu phố 1/5 TT Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN

Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính:Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
...	...	...	...	...	...	...
10/01	PC00023	10/01	Mua thuốc diệt côn trùng khử khuẩn tại đại lý bán lẻ	3311	5.500.000	

...	...	...	...	...	...	...
31/03	PC00107	31/03	Mua xăng dầu tại Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Bảo	331	7.294.773	
...	...	...	...	...	...	...
31/03	PC00108	31/03	Thanh toán cước thuê bao FPT bằng TM	642 133 111	80.000 8.000	 88.000
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		27.303.782.265	27.303.782.265

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Giám đốc

(ký, ghi rã họ tên) (ký, ghi rõ họ tên)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.18 : Trích sổ Nhật Ký Chung

Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Số 20 khu phố 1/5 TT Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Sổ cái

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính:Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
10/01	PC00023	10/01	Mua thuốc diệt côn trùng khử khuẩn tại đại lý bán lẻ	111	5.500.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/03	PC00107	31/03	Mua xăng dầu tại Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Bảo	111	7.294.773	
...	...	...	...	...	...	...
31/03	PC00108	31/03	Thanh toán cước thuê bao FPT bằng TM	111	80.000	

...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT84	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		174.406.693
			Cộng số phát sinh		174.406.693	174.406.693
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu	**kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(ký, ghi rõ họ tên)	*(ký, ghi rõ họ tên)*	*(ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu 2.19 : Trích Sổ Cái TK 642

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

2.2.4.1. *Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính*

Tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo, doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng. Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay. Trong năm công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan tới chi phí hoạt động tài chính nào.

2.2.4.2. *Chứng từ sử dụng:*

- Phiêu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.4.3. *Tài khoản sử dụng:*

- TK 515 : doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 : chi phí hoạt động tài chính.

2.2.4.4. *Quy trình hạch toán*

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo được thể hiện qua sơ đồ 2.7 như sau:

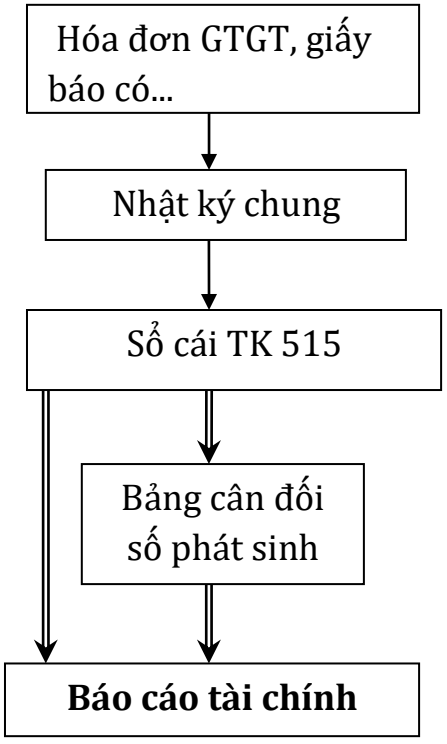

Sơ đồ 2.7 : Quy trình hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính:

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ⟶

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: 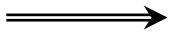

Đối chiếu, kiểm tra: 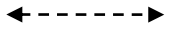

2.2.4.5. *Ví dụ minh họa*

Nhập lãi tiền gửi ngân hàng ngày 31/03/2014 với tổng số tiền 2.600 đồng.

Kế toán định khoản

Nợ 112 : 2.600

Có 515 : 2.600

Căn cứ vào Sổ Phụ (Biểu 2.20) kế toán ghi bút toán phản ánh doanh thu hoạt động tài chính vào sổ Nhật Ký Chung (Biểu 2.21) từ đó ghi vào Sổ Cái TK515(Biểu 2.22)

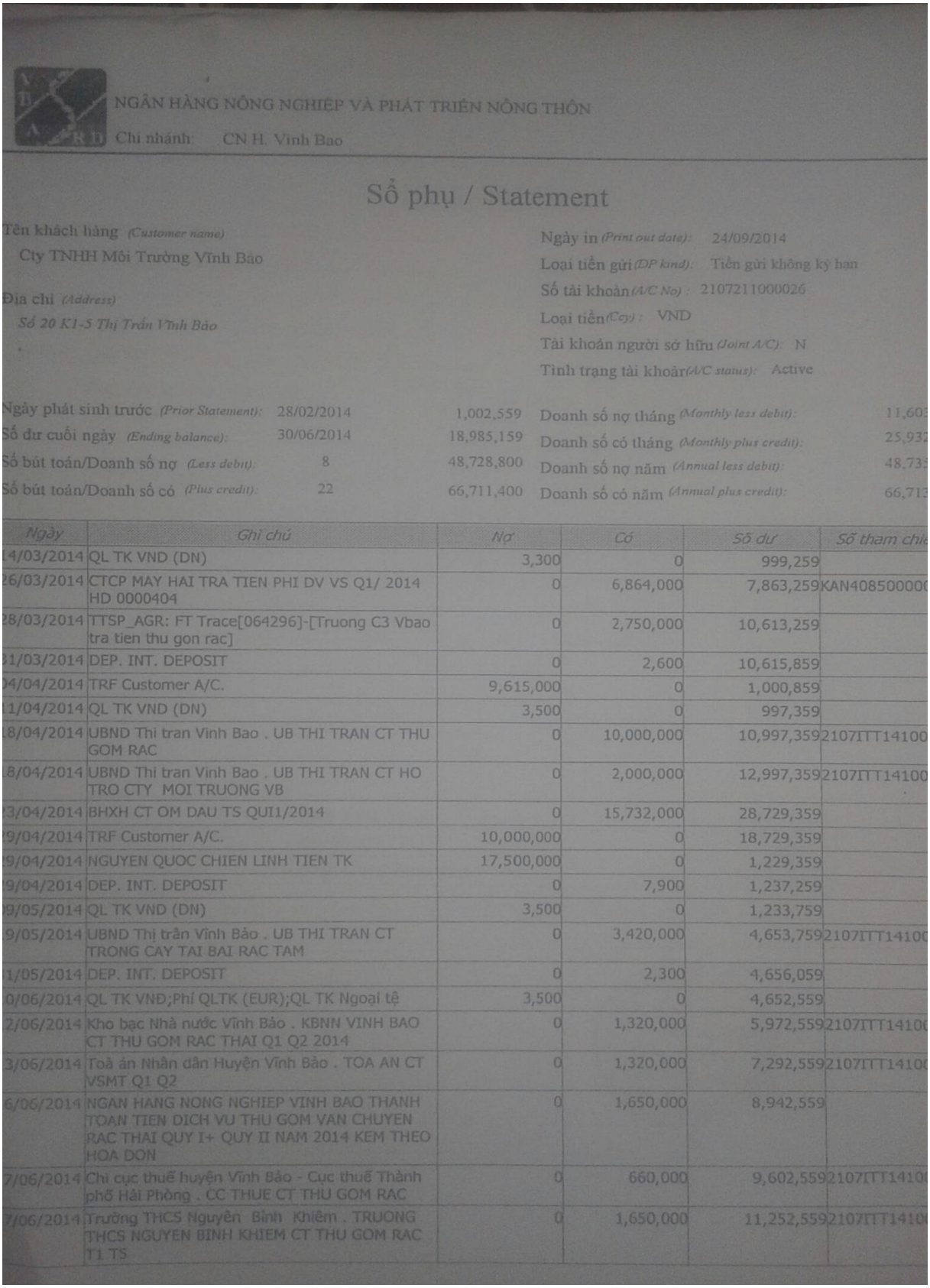

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Chi nhánh: CN H. Vinh Bao

Sổ phụ / Statement

Tên khách hàng *(Customer name)*
Cty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Địa chỉ *(Address)*
Số 20 K1-5 Thị Trấn Vĩnh Bảo

Ngày in *(Print out date)*: 24/09/2014
Loại tiền gửi *(DP kind)*: Tiền gửi không kỳ hạn
Số tài khoản *(A/C No)*: 2107211000026
Loại tiền *(Ccy)*: VND
Tài khoản người sở hữu *(Joint A/C)*: N
Tình trạng tài khoản *(A/C status)*: Active

Ngày phát sinh trước *(Prior Statement)*:	28/02/2014	1,002,559	Doanh số nợ tháng *(Monthly less debit)*:	11,603
Số dư cuối ngày *(Ending balance)*:	30/06/2014	18,985,159	Doanh số có tháng *(Monthly plus credit)*:	25,932
Số bút toán/Doanh số nợ *(Less debit)*:	8	48,728,800	Doanh số nợ năm *(Annual less debit)*:	48,733
Số bút toán/Doanh số có *(Plus credit)*:	22	66,711,400	Doanh số có năm *(Annual plus credit)*:	66,713

Ngày	Ghi chú	Nợ	Có	Số dư	Số tham chiế
14/03/2014	QL TK VND (DN)	3,300	0	999,259	
26/03/2014	CTCP MAY HAI TRA TIEN PHI DV VS Q1/ 2014 HD 0000404	0	6,864,000	7,863,259	KAN408500000
28/03/2014	TTSP_AGR: FT Trace[064296]-[Truong C3 Vbao tra tien thu gon rac]	0	2,750,000	10,613,259	
31/03/2014	DEP. INT. DEPOSIT	0	2,600	10,615,859	
04/04/2014	TRF Customer A/C.	9,615,000	0	1,000,859	
11/04/2014	QL TK VND (DN)	3,500	0	997,359	
18/04/2014	UBND Thi tran Vinh Bao . UB THI TRAN CT THU GOM RAC	0	10,000,000	10,997,359	2107ITT14100
18/04/2014	UBND Thi tran Vinh Bao . UB THI TRAN CT HO TRO CTY MOI TRUONG VB	0	2,000,000	12,997,359	2107ITT14100
23/04/2014	BHXH CT OM DAU TS QUI1/2014	0	15,732,000	28,729,359	
29/04/2014	TRF Customer A/C.	10,000,000	0	18,729,359	
29/04/2014	NGUYEN QUOC CHIEN LINH TIEN TK	17,500,000	0	1,229,359	
29/04/2014	DEP. INT. DEPOSIT	0	7,900	1,237,259	
09/05/2014	QL TK VND (DN)	3,500	0	1,233,759	
19/05/2014	UBND Thị trấn Vĩnh Bảo . UB THI TRAN CT TRONG CAY TAI BAI RAC TAM	0	3,420,000	4,653,759	2107ITT14100
31/05/2014	DEP. INT. DEPOSIT	0	2,300	4,656,059	
10/06/2014	QL TK VNĐ;Phí QLTK (EUR);QL TK Ngoại tệ	3,500	0	4,652,559	
12/06/2014	Kho bạc Nhà nước Vĩnh Bảo . KBNN VINH BAO CT THU GOM RAC THAI Q1 Q2 2014	0	1,320,000	5,972,559	2107ITT14100
13/06/2014	Toà án Nhân dân Huyện Vĩnh Bảo . TOA AN CT VSMT Q1 Q2	0	1,320,000	7,292,559	2107ITT14100
16/06/2014	NGAN HANG NONG NGHIEP VINH BAO THANH TOAN TIEN DICH VU THU GOM VAN CHUYEN RAC THAI QUY I+ QUY II NAM 2014 KEM THEO HOA DON	0	1,650,000	8,942,559	
17/06/2014	Chi cục thuế huyện Vĩnh Bảo - Cục thuế Thành phố Hải Phòng . CC THUE CT THU GOM RAC	0	660,000	9,602,559	2107ITT1410
17/06/2014	Trường THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm . TRUONG THCS NGUYEN BINH KHIEM CT THU GOM RAC T1 T5	0	1,650,000	11,252,559	2107ITT1410

Biểu 2.20: Trích Sổ phụ ngân hàng

Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Số 20 khu phố 1/5 TT Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN

Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính:Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
...	...	...	...	...	...	...
31/03	SP3103	31/03	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng	112 515	2.600	2.600
...	...	...	...	...	...	...
29/04	SP2904	29/04	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng	112 515	7.900	7.900
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515 911	55.600	55.600
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT85	31/12	Kết chuyển lỗ	421 911	9.671.840	9.671.840

			Cộng số phát sinh		27.303.782.265	27.303.782.265

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Giám đốc

(ký, ghi rã họ tên) (ký, ghi rõ họ tên)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.21 : Trích sổ Nhật Ký Chung

Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Số 20 khu phố 1/5 TT Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Sổ cái

Năm 2014

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính:Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/03	SP3103	31/03	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng	112		2.600
...	...	...	...	...	...	...
29/04	SP2904	29/04	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng	112		7.900
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	911	55.600	
			Cộng số phát sinh		55.600	55.600
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu	**kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(ký, ghi rõ họ tên)	*(ký, ghi rõ họ tên)*	*(ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu 2.22 : Trích Sổ Cái TK 515

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

Trong năm 2014 Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác và chi phí khác

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

2.2.6.1. Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 811 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

2.2.6.3. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo được khái quát qua sơ đồ 2.8 như sau:

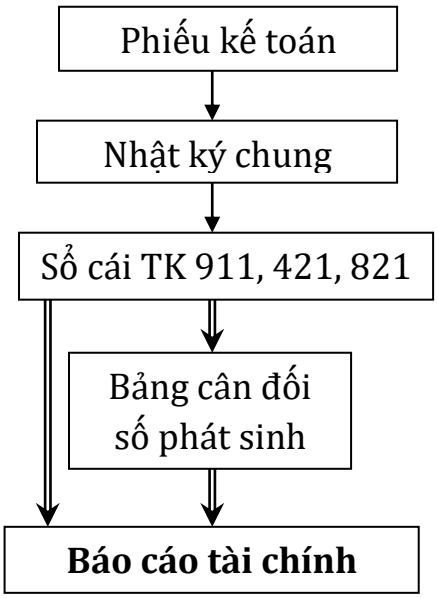

Sơ đồ 2.8 : Quy trình hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ⟶

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ : ⟹

Đối chiếu, kiểm tra: ⟷

2.2.6.4. Ví dụ minh họa

Ngày 31/12/2014 công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh năm 2014

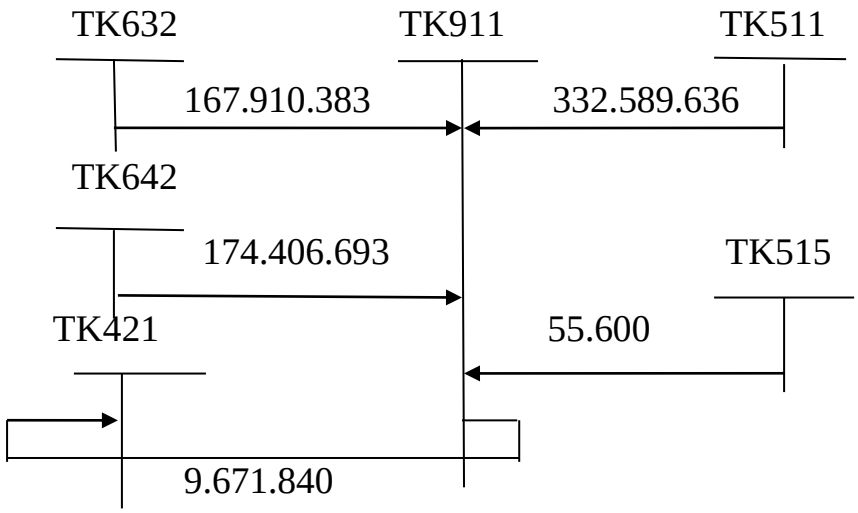

Sơ đồ 2.9 Sơ đồ các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí tại công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Cuối quý, kế toán lập Phiếu kế toán số 83, 84, 85và căn cứ vào các Phiếu kế toán trên, kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung, từ sổ Nhật ký chung ghi vào các Sổ cái của các tài khoản liên quan. Số liệu trên Sổ cái của các tài khoản trên được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh

Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Số 20 khu phố 1/5 TT Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Phiếu Kế Toán

Số 83

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	511	911	332.589.636
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	55.600
	Cộng			332.645.236

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán trưởng **Người lập phiếu**

(ký, họ tên) *(ký, họ tên)*

Biểu 2.23 : Trích Phiếu kế toán Số 83

Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Số 20 khu phố 1/5 TT Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Phiếu Kế Toán

Số 84

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	167.910.383
2	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	174.406.693
	Cộng			342.317.076

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán trưởng **Người lập phiếu**

(ký, họ tên) *(ký, họ tên)*

Biểu 2.24 : Trích Phiếu kế toán số 84

Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Số 20 khu phố 1/5 TT Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Phiếu Kế Toán

Số 85

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lỗ	421	911	9.671.840

	Cộng			9.671.840

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán trưởng **Người lập phiếu**

(ký, họ tên) *(ký, họ tên)*

Biểu 2.25 : Trích Phiếu kế toán Số 85

Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Số 20 khu phố 1/5 TT Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN

Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính:Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT82	31/12	Kết chuyển giá vốn dịch vụ	632 154	167.910.383	 167.910.383
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	511 911	332.589.636	 332.589.636
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển doanh thu	515 911	55.600	 55.600

			HĐTC			
31/12	PKT84	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	167.910.383	167.910.383
31/12	PKT84	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911 642	174.406.693	174.406.693
31/12	PKT85	31/12	Kết chuyển lỗ	421 911	9.671.840	9.671.840
			Cộng số phát sinh		27.303.782.265	27.303.782.265

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Giám đốc

(ký, ghi rã họ tên) (ký, ghi rõ họ tên)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.26 : Trích sổ Nhật Ký Chung

Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Số 20 khu phố 1/5 TT Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Sổ cái

Năm 2014

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính:Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư đầu kỳ		-	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	511		332.589.636
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515		55.600
31/12	PKT84	31/12	Kết chuyển giá vốn bán hàng	632	167.910.383	
31/12	PKT84	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	174.406.693	
31/12	PKT85	31/12	Kết chuyển lỗ	421		9.671.840
			Cộng số phát sinh		342.317.076	342.317.076
			Số dư cuối kỳ		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu **kế toán trưởng** **Giám đốc**

(ký, ghi rõ họ tên) *(ký, ghi rõ họ tên)* *(ký, đóng dấu, họ tên*

Biểu 2.27 : Trích Sổ Cái TK 911

Ngày duyệt	
Ngày gửi/nhận	

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(IV.08)	332.589.636	398.656.574
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10		332.589.636	398.656.574
4.Giá vốn hàng bán	11		167.910.383	214.364.285
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		164.679.253	184.292.289
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21		55.600	67.200
7.Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó chi phí lãi vay	23		-	-
9.Chi phí quản lý kinh doanh	24		174.406.693	192.478.989
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 – 22 – 24)	30		(9.671.840)	(8.119.500)
11.Thu nhập khác	31		-	-
12.Chi phí khác	32		-	-
13.Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		-	-
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(IV.09)	(9.671.840)	(8.119.500)
15.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		-	
16.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60		(9.671.840)	(8.119.500)

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VĨNH BẢO**

Mã số thuế: 0200450052

Địa chỉ: Số nhà 20, đường Đông Hải, Khu phố 1/5, Vinh Bảo, Hải Phòng

Mẫu số B02-DNN

Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính : đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Thủ trưởng đơn vị**

Biểu 2.28 : Trích Báo cáo kết quả kinh doanh 2014

CHƯƠNG 3.
HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VĨNH BẢO

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.

Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo có bộ máy quản lý đơn giản, các phòng ban được phân chia nhiệm vụ một cách rõ ràng, cụ thể. Trong những năm qua, công ty đã thực hiện khá tốt những chế độ kế toán và nguyên tác hạch toán kế toán, đặc biệt là trong công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Trong quá trình hạch toán, công ty không áp dụng nguyên tắc một cách cứng nhắc mà luôn đi sâu tìm hiểu để áp dụng sao cho phù hợp với điều kiện và đặc điểm kinh doanh của công ty dựa trên cơ sở của chế độ kế toán. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty có nhiều ưu điểm song cũng tồn tại những hạn chế nhất định.

3.1.1. Ưu điểm

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo, em đã hiểu biết thêm về thực tế tổ chức kế toán trong doanh nghiệp và có cơ hội đối chiếu thực tế với lý luận trong quá trình thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả doanh thu nói riêng có những ưu điểm như sau:

- *Về tổ chức bộ máy kế toán:*

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh của mình công ty đã tổ chức lựa chọn bộ máy kế toán tập trung, hình thức tổ chức bộ máy kế toán đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với công ty . Hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc tạo điều kiện nâng cao trình độ kế toán viên. Do đó công việc tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao hơn, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác hơn.

Các thành viên trong phòng kế toán – tài chính đều có trình độ và năng lực cao, giàu kinh nghiệm, có trách nhiệm với công việc, nhiệt tình. Các thành viên đều được phân công công việc rõ dàng, cụ thể phù hợp với chuyên môn của mỗi người, tạo điều kiện chuyên môn hóa công việc và nâng cao trình độ kế toán viên.

❖ *Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ tài khoản kế toán*

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo quyết định số: 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Về cơ bản, công ty đã tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán theo đúng quy định của Bộ tài chính. Tại công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều có đầy đủ các chứng từ liên quan đảm bảo cho công tác kế toán được thực hiện đúng đắn và việc kiểm tra, đối chiếu số liệu diễn ra dễ dàng, chính xác.

❖ *Về tổ chức hệ thống sổ kế toán*

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán.

❖ *Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.*

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nhìn chung đã áp dụng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số: 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Về công tác kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác, đầy đủ. Từ đó, góp phần cho kết quả kinh doanh được xác định một cách hợp lý, cung cấp thông tin một cách xác thực nhất cho ban lãnh đạo của công ty.
- Về công tác kế toán chi phí: chi phí là một chỉ tiêu mà các nhà quản lý luôn luôn quan tâm và tìm mọi cách để giảm tối thiểu chi phí, nâng cao lợi

nhuận. Mọi chi phí phát sinh trong kỳ đều được công ty quản lý một cách chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần thiết..

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu của ban lãnh đạo công ty. Các kế toán, đặc biệt là kế toán trưởng rất có trách nhiệm với công việc, kết quả kinh doanh luôn được họ tính toán một cách chính xác theo đúng chế độ của bộ tài chính ban hàng, qua đó phản ánh xác thực hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo vẫn còn có những hạn chế nhất định:

❖ *Về hệ thống sổ kế toán:*

Kế toán không mở sổ chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh để theo dõi chi tiết cho TK 642 theo từng yếu tố chi phí, điều này sẽ gây khó khăn cho việc hạch toán chi phí và theo dõi từng yếu tố của chi phí sản xuất kinh doanh.

❖ Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi:

Công ty không tiến hành trích và lập các khoản dự phòng với khoản nợ quá hạn của khách hàng, công ty không sử dụng tài khoản 1592 – Dự phòng nợ phải thu khó đòi. Trong nền kinh tế có nhiều biến động các khoản nợ phải thu cũng có thể gặp những rủi ro nhất định,Công ty không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn, doanh nghiệp khó có thể phản ứng kịp thời nếu không có sự theo dõi sát sao với các khoản mục phát sinh.

❖ *Về việc ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán .*

Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo chưa áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán. Vì vậy, hệ thống sổ và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện tên một phần mềm kế toán nào, mới chỉ xây dựng được một số phần hành trên Excel, Word và việc ghi chép còn thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều, kế toán phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc.

Ngày nay khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng áp dụng cho hầu hết mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy việc áp dụng công nghệ máy tính vào công tác tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

3.2.1. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị chặt chẽ hơn hoạt động cung cấp dịch vụ, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp thúc đẩy quá trình cung cấp dịch vụ, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác cao giúp cho nhà quản lý đúng và chính xác về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ảnh những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.2.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Trong cơ chế thị trường hiện nay, việc cạnh tranh gay gắt cũng như sự biến đổi liên tục của nền kinh tế dẫn đến kết quả tất yếu của các doanh nghiệp luôn phải có những chính sách hoạt động hợp lý, thích hợp, xác định đúng mục tiêu và phương hướng phát triển. Chỉ có như vậy các doanh nghiệp mới có cơ hội tồn tại. Muốn vậy các doanh nghiệp trước hết phải hoàn thiện không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý vì công cuộc đổi mới hiện nay. Mặt khác kế toán không chỉ là công cụ mà còn góp phần tham gia

việc quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc thiết lập chứng từ, phải ghi chép, phải tính toán, tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng những phương pháp khoa học. Ban quản lý công ty có thể nắm được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành của tài sản góp phần bảo về hợp lý và sử dụng hiệu quả của đơn vị mình.

3.2.3. Nguyên tắc hoàn thiện

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào lề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để đạt được hiệu quả trong việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc và linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.
- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của nghành mình.
- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.
- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo.

3.2.4.1. Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán

- Về phần chi phí quản lý kinh doanh: do chưa mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Mẫu sổ S18-DNN ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC) nên khi phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động quản lý, kế toán chỉ theo dõi chung trên TK 642 mà không chia ra thành các yếu tố chi phí. Việc theo dõi chi phí quản lý kinh doanh theo từng yếu tố chi phí sẽ giúp công ty nắm bắt và quản lý dễ dàng hơn. Công ty nên mở sổ chi tiết để theo dõi các yếu tố chi phí như: tiền lương cán bộ nhân viên, vật liệu, dụng cụ dùng trong văn phòng,chi phí khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài...

Dưới đây là biểu mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu 3.1) ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.

Đơn vị:……. Mẫu số S18-DNN

Địa chỉ:……. (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 154, 631, 642, 242, 632)

- Tài khoản:……..
- Tên phân xưởng:…….
- Tên sản phẩm, dịch vụ:……...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Ghi Nợ tài khoản…				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
						…	…	…	…
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			-Số dư đầu kỳ -Số phát sinh trong kỳ						
			-Cộng SPS trong kỳ -Ghi Có TK…						
			Số dư cuối kỳ						

- Sổ này có…trang, đánh số từ trang 01 đến trang…
- Ngày mở sổ:…….

Ngày … tháng … năm

Người ghi số **Kế toán trưởng**

(Ký,họ tên) *(*

Ký, họ tên)

Biểu 3.1: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Ví dụ 3.1

Ngày 31/03/2014, thanh toán tiền cước thuê bao FPT tổng số tiền 88.000 đồng (VAT 10 %)

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642 : 80.000

Nợ TK 133 : 8.000

Có TK 111 : 88.000

Ngoài việc ghi chép vào các sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK642 (Biểu 3.2) để theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh cho chi phí quản lý kinh doanh.

Đơn vị: Công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Địa chỉ: Số nhà 20 đường Đông Hải, Khu1/5, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Mẫu số S18-DNN

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2014

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi Nợ tài khoản 6422					
	SH	NT			Tổng số	Chia ra				
						Lương	Vật liệu	…….	Dịch vụ mua ngoài	....
			……			....				....
31/3	PC00108	31/3	Thanh toán cước thuê bao FPT	111	80.000				80.000	

			bằng TM							
			…… ….							
			Cộng số phát sinh			**……**			**……**	**… …**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi số

Kế toán trưởng

(Ký,họtên)

(ký,

Biểu 3.2 : Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

h

3.2.4.2. Hoàn thiện việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi

Công ty không tiến hành trích và lập các khoản dự phòng với khoản nợ quá hạn của khách hàng, công ty không sử dụng tài khoản 1592 – Dự phòng nợ phải thu khó đòi. Trong nền kinh tế có nhiều biến động các khoản nợ phải thu cũng có thể gặp những rủi ro nhất định,Công ty không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn, doanh nghiệp khó có thể phản ứng kịp thời nếu không có sự theo dõi sát sao với các khoản mục phát sinh.

Công ty tiến hành lập dự phòng phải thu khó đòi theo Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

❖ **Điều kiện:**

Các khoản phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách hàng nợ về số tiền còn nợ bao gồm : hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nọe và các chứng từ khác.
- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

＋ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác

＋ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

❖ **Phương pháp lập dự phòng:**

- Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

＋Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	Trích lập dự phòng
Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

+ Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể: người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết...thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp

Cuối kỳ kế toán năm, doanh nghiệp căn cứ các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập:

+ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích ở kỳ kế toán này lớn hơn số trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 1592 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, ghi:

Nợ TK 1592 – Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Có TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (chi tiết hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi).

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 1592 – Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 6422 – chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131 – Phải thu khách hàng

Có Tk 138 – Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên Nợ TK 004 "Nợ khó đòi đã xử lý" (Tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán)

+ Đối với những khoản nợ phải thu khó dòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112...

Có TK 711 – Thu nhập khác

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 "Nợ khó đòi đã xử lý" (Tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán)

Ví dụ minh họa:

Từ Bảng kê công nợ (Biểu 3.3) và dựa vào mức trích lập dự phòng theo thông tư 228/2009/TT-BTC kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi (Biểu 3.4) vào ngày 31/12/2014 như sau:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VĨNH BẢO

Số nhà 20 đường Đông Hải, Khu1/5, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

BẢNG KÊ CÔNG NỢ

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị : Đồng

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Không đòi được	Ghi chú
Công ty TNHH Wellpower	64.389.600	64.389.600				
Công ty cổ phần TMDVXD Hải Phòng	67.467.504			67.467.504		10 tháng 3 ngày
Công ty cổ phần May Hai	68.478.935			68.478.935		8 tháng 7 ngày
Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo	28.185.633	28.185.633				
Xí nghiệp chợ thị trấn Vĩnh Bảo	30.385.256		30.385.256			
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng	358.886.400	167.554.705	55.385.256	135.946.439		

Biểu 3.3. Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2014

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VĨNH BẢO

Số nhà 20 đường Đông Hải, Khu1/5, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: Đồng

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỷ lệ trích lập	Số cần lập dự phòng
Công ty cổ phần TMDVXD Hải Phòng	67.467.504	10 tháng 3 ngày	30%	20.240.251
Công ty cổ phần May Hai	68.478.935	8 tháng 7 ngày	30%	20.543.680
Tổng cộng	**135.946.439**			**40.783.931**

Biểu 3.4.: Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6422: 40.783.931

Có TK 1592: 40.783.931

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi vào sổ sách có liên quan

3.2.4.3. Hiện đại hóa công tác kế toán tại công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo

Các phần mềm kế toán luôn là công cụ hiệu quả nhất để kiểm soát và duy trì hoạt động cho " Bộ não tài chính " của công ty, bởi chúng được sử dụng để phục vụ các nhu cầu quản lý kế toán như báo cáo công nợ khác hàng chi tiết và

chính xác, báo cáo số lượng hàng hóa nhập – xuất – tồn kho, liệt kê danh sách khách hàng và các mối quan hệ với công ty…

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán. Em xin giới thiệu một số phần mềm phổ biến hiện nay, công ty có thể lựa chọn phần mềm phù hợp với công ty mình như phần mềm kế toán máy Fast accounting,Misa, phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.8…

+ **Phần mềm kế toán Fast Accounting:** là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ …

Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 7300 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT…

Fast Accounting gồm có các phần hệ: hệ thống, kế toán tổng hợp, kế toán bằng tiền, kế toán bán hàng và công nộ phải thu, kế toán mua hàng và công nợ phải trả, kế toán hàng tồn kho, quản lý TSCĐ, quản lý CCLĐ, báo cáo chi phí theo khoản mục, kế toán giá thành sản xuất liên tục, kế toán giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn hàng, kế toán giá thành công trình và xây dựng, báo cáo thuế, báo cáo quản trị theo trường người sử dụng tự định nghĩa, báo cáo quản trị theo thời gian, báo cáo quản trị theo đơn vị cấp dưới, thuế TNCN

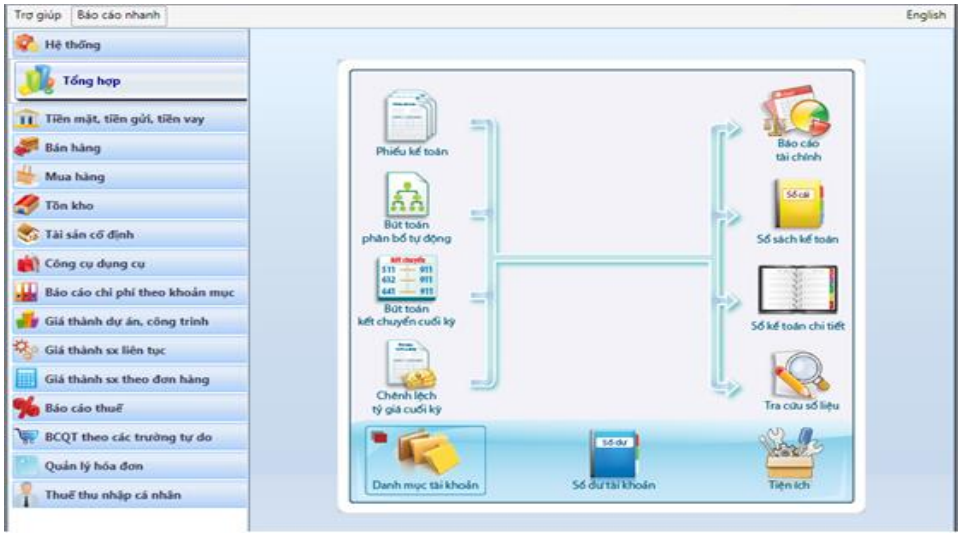

.

Tính năng của phần mềm kế toán Fast Accounting

Quản lý số lượng đa tiền tệ, Fast Accounting cho phép quản lý đa tiền tệ. Mọi giao dịch đều có thể nhập, và lưu theo đồng tiền giao dịch và được quy đổi về đồng tiền hạch toán. Cho phép người sử dụng lựa chọn cách tính tỷ giá ghi số theo phương pháp nhập trước xuất trước, trung bình tháng, trung bình di động, đích danh hoặc tỷ giá giao dịch. Khi thanh toán chương trình tự động tạo bút toán chênh lệch tỷ giá so với tỷ giá ban đầu khi xuất hóa đơn hoặc cho phép quy đổi về đồng tiền theo dõi công nợ trong trường hợp thanh toán bằng đồng tiền hạch toán (VNĐ). Cuối kỳ có các chức năng tính chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của từng tài khoản và của từng khách hàng/ nhà cung cấp. Các báo cáo có thể được in ra theo đồng tiền hạch toán hoặc theo nguyên tệ và đồng tiền hạch toán. Quản lý số liệu của nhiều đơn vị, Fast Accounting cho phép quản lý số liệu của nhiều đơn vị/ bộ phận; cho phép lên báo cáo của từng đơn vị/ bộ phận hoặc của toàn (tổng) công ty. Số liệu có thể được nhập từ nhiều nơi và chuyển về công ty mẹ.

+ **Phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.8**

Phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.8 là phiên bản mới nhất của công ty SIS Việt Nam. Phiên bản đã được thiết kế theo quy định mới nhất của bộ tài chính. Với sản phẩm này người dùng chỉ cần cập nhật các số liệu đầu vào, phát

sinh chương trình sẽ tự đông tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán, phân tích tài chính, sản xuất kinh doanh. Qua thực tế sử dụng tại hơn 1000 doanh nghiệp lớn nhỏ với nhiều nghành nghề kinh doanh khác nhau, SAS INNOVA 6.8 đã chứng minh được tính hiệu quả áp dụng. Nhiều khách hàng đã khẳng định sản phẩm đã giúp lãnh đạo doanh nghiệp, các phòng ban chức năng có được số liệu cập nhật tức thời của các khâu hoạt động, giúp hộ có những nhận định thực tế trước khi ra quyết định. Các dữ liệu được lưu trữ trong một cơ sở dữ liệu thống nhất, có khả năng khai báo, phân tích, thiết kế phục vụ cho công tác lập kế hoạch, hoạch định phương hướng sản xuất kinh doanh, phân tích đánh giá hiệu quả đầu tư.

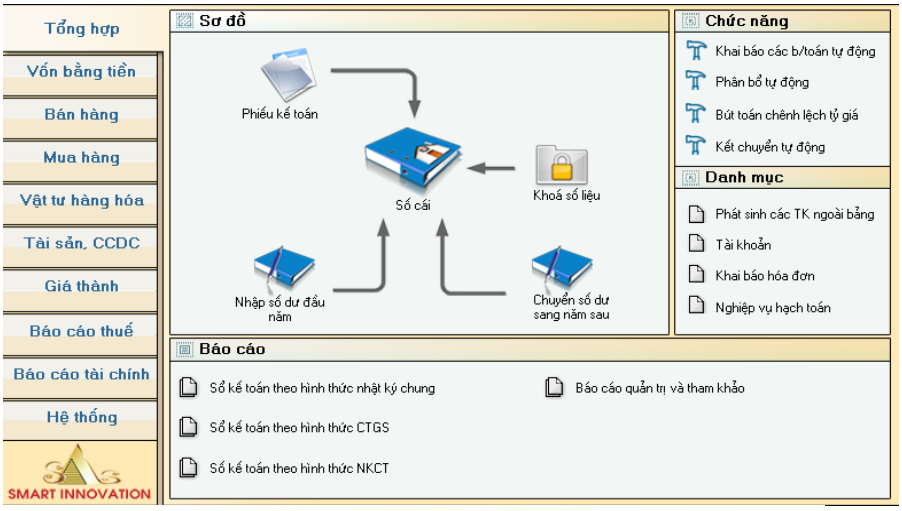

Giao diện của phầm mềm kế toán SAS INNOVA 6.8

Những điểm nổi bật của SAS INNOVA 6.8

- Phần mềm cho phép lựa chọn các chức năng hay sử dụng và đưa ra màn hình giúp người sử dụng nhanh chóng truy cập các chức năng hàng ngày.
- Cho phép nhập dữ liệu nhanh chóng, giảm 90% thời gian với những chứng từ số liệu tương tự (kế thừa các chứng từ tương tự hoặc giống nhau, các thông tin với chức năng copy chứng từ).

Theo em công ty lên lựa chọn phần mềm kế toán Fast Accounting bởi phần mềm này có giao diện dễ hiểu và có khả năng cập nhật khi hoạt động kinh doanh của công ty tăng trưởng. Fast Accounting cho phép bảo mật bằng mật khẩu và phân quyền truy nhập chi tiết đến từng chức năng và công việc (đọc/ sửa/ xóa/ tạo mới) trong chương trình cho từng người sử dụng. Chương trình có khả năng khóa sổ chi tiết đến từng loại chứng từ, theo dõi nhật ký người sử dụng.

3.2.4.4. <u>Một số kiến nghị khác</u>

- Hiện nay, tại công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo, bộ phận kế toán bao gồm 1 thủ quỹ và 1 kế toán. Như vậy, với khối lượng công việc khá lớn, một nhân viên kế toán chịu trách nhiệm thực hiện tất cả các phần hành kế toán sẽ phải chịu nhiều áp lực công việc, dễ dẫn đến sai sót nhầm lẫn số liệu. Công ty nên tuyển dụng thêm một kế toán viên để bộ máy kế toán bao gồm 1 kế toán trưởng, 1 kế toán viên và một thủ quỹ. Như vậy, công việc sẽ được giảm nhẹ hơn cho kế toán trưởng, giảm thiểu nhầm lẫn sai sót không đáng có và đảm bảo thời gian cho việc tổng kết, gửi báo cáo tình hình kinh doanh tại công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo
- Công ty cần xây dựng và hoàn chỉnh quy chế tiền lương, thang bảng lương, quy chế khen thưởng, quy chế tuyển dụng nhân sự nhằm khuyến khích và trả công xứng đáng cho những người có năng lực và kinh nghiệm, chuyên môn cao, khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả công việc...

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay, để đứng vững và không nhừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Kế toán với vai trò là thu thập, xử lý và cung cấp những thông tin kinh tế – tài chính giúp các nhà quản lý doanh nghiệp đưa ra những quyết định quan trọng, kịp thời và chính xác cũng cần phải ngày một hoàn thiện hơn cho phù hợp với xu thế mới của nền kinh tế thị trường.

Vì vậy mỗi doanh nghiệp cần phải chú trọng quan tâm, hoàn thiện công tác kế toán nói chung và hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình để thích ứng với nền kinh tế thị trường có sức cạnh tranh ngày càng gay gắt. Đó là yếu tố hết sức cần thiết đối với bất kỳ doanh nghiệp nào tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo em đã tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Cùng với sự giúp đỡ hết sức tận tình của Th.s.Nguyễn Thị Mai Linh và các anh chị kế toán tại công ty TNHH Môi Trường Vĩnh Bảo em đã hoàn tất khóa luận của mình. Qua khóa luận bằng sự kết hợp những kiến thức đã học ở trường với thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Môi trường Vĩnh Bảo em nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của công tác kế toán này. Do kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý và chỉ bảo của các thầy cô giáo.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm

Sinh viên

Vũ Thị Hoài Thương

TÀI LIỆU THAM KHÁO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ

   Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính - Nhà xuất bản tài chính.
2. Luận văn tốt nghiệp khoá trước.
3. Website: Webketoan. com
4. Website: Tapchiketoan.com
5. Website: Metadata.com

Và một số tài liệu sổ sách của Công ty trách nhiệm hữu hạn Môi Trường Vĩnh Bảo